



Mục lục

SỰ KIỆN

- 3 Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng bế mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII
- 12 Đồng chí Đỗ Mười - Nhà lãnh đạo xuất sắc, có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta
- 14 Chủ tịch nước Trần Đại Quang - Nhà lãnh đạo có nhiều cống hiến cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 16 LÊ HỮU NGHĨA:
Bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin trong tình hình mới

24 TRẦN QUỐC TOẢN:

Thể chế phát triển nhanh, bền vững và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong giai đoạn mới

39 NGUYỄN VĂN THẠO:

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững ở Việt Nam trong giai đoạn mới

50 HOÀNG THẾ LIÊN:

Xây dựng thể chế nhà nước Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới

LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

61 HOÀNG THỊ THÚY LAN:

Vĩnh Phúc với việc xây dựng thể chế đảm bảo cho sự phát triển nhanh, bền vững

THÔNG TIN - TƯ LIỆU

67 Hội thảo khoa học quốc gia: “Thể chế phát triển nhanh, bền vững: Kinh nghiệm quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong giai đoạn mới”

70 Khảo sát thực tế, Tọa đàm khoa học tại Thái Bình



PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XII

Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị

Sau 5 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, dân chủ và trách nhiệm, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương đã hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình đề ra. Các đồng chí Ủy viên Trung ương và các đồng chí tham dự Hội nghị đã nghiêm túc nghiên cứu và chuẩn bị, sôi nổi thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến quan trọng vào các báo cáo, đề án. Bộ Chính trị đã tiếp thu tối đa và giải trình những vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Ban Chấp hành Trung ương đã thống nhất cao thông qua các

ng nghị quyết, kết luận và quy định của Trung ương. Để kết thúc Hội nghị, tôi xin thay mặt Bộ Chính trị phát biểu, làm rõ thêm một số vấn đề và khái quát lại những kết quả chủ yếu của Hội nghị.

1. Về kinh tế - xã hội

Ban Chấp hành Trung ương nhất trí cho rằng, trong 9 tháng đầu năm 2018, nhờ có sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục có những chuyển biến tích cực, toàn diện trên các lĩnh vực. Dự báo, đến cuối năm 2018, có thể hoàn thành toàn bộ 12 chỉ tiêu kế hoạch đề ra, trong đó có 8 chỉ tiêu hoàn thành vượt mức. Nổi bật là: Tốc độ

tăng trưởng tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 6,6 - 6,8%, quy mô GDP khoảng 240,5 tỉ đô la Mỹ. Chất lượng tăng trưởng ngày càng được cải thiện. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định. Lạm phát được kiểm soát; chỉ số giá tiêu dùng duy trì ở mức dưới 4%. Các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm; kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước được tăng cường; bội chi ngân sách ở mức 3,67% GDP; nợ công có xu hướng giảm và ngày càng thấp xa hơn mức trần do Quốc hội quy định. Thị trường tiền tệ ổn định; cán cân thanh toán quốc tế tiếp tục được cải thiện. Xuất khẩu ước đạt 238 tỉ đô la, tăng 11,2% so với năm 2017; xuất siêu hơn 3 tỉ đô la Mỹ.

Các lĩnh vực văn hoá, xã hội được quan tâm đầu tư phát triển, đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào việc duy trì ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở cả thành thị và nông thôn được cải thiện rõ rệt. Phong trào xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều kết

quả tích cực, đã có gần 40% số xã của cả nước đạt chuẩn nông thôn mới. Các chính sách, chế độ đối với người có công, các đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội được quan tâm thực hiện; tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới giảm xuống còn 5,2 - 5,7%. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm tiếp tục được đẩy mạnh, năng suất lao động được cải thiện; tỉ lệ thất nghiệp khu vực thành thị giảm; cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực. Sự nghiệp y tế, thể dục, thể thao, bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội; đổi mới giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng con người; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển khoa học và công nghệ, phong trào khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo đạt được nhiều kết quả tích cực. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh, đạt được nhiều kết quả cụ thể rõ rệt, được cán bộ, đảng viên và nhân dân hoan nghênh, đồng tình, đánh giá cao. Tiềm lực quốc

phòng, an ninh được tăng cường; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển được bảo đảm. Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh và mở rộng, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Trung ương khẳng định, những kết quả, thành tích đạt được trong năm 2018 đã góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong nửa đầu nhiệm kỳ khoá XII, tạo đà và động lực mới, khí thế mới cho việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2019 và 5 năm 2016 - 2020.

Tuy nhiên, Trung ương cũng chỉ rõ, bên cạnh những kết quả, thành tích đã đạt được, kinh tế - xã hội của đất nước vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, còn tiềm ẩn một số yếu tố có thể tác động tiêu cực đến ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, an ninh, trật tự xã hội. Tình hình trong nước, quốc tế còn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Từ nay đến cuối năm và trong những năm tới, toàn Đảng,

toàn dân, toàn quân ta cần phải tiếp tục nỗ lực phấn đấu để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ đề ra cho cả năm 2018. Trong năm 2019, tiếp tục củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao năng lực ứng phó với những biến động bất thường của thị trường, nhất là thị trường thế giới. Duy trì đà tăng trưởng trên cơ sở cải thiện thực chất hơn nữa môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế gắn với đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tinh giản bộ máy tổ chức, biên chế, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Chú trọng phát triển văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường; bảo đảm an sinh, nâng cao phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, nâng cao vị

thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Để có thể hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu đã đề ra, cần tiếp tục phát huy những kết quả, thành tích và kinh nghiệm, bài học đúc rút được từ thực tế đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, tinh thần năng động, sáng tạo, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện của tất cả các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, cộng đồng các doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân.

2. Về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển

Ban Chấp hành Trung ương đã thống nhất cao với những nhận định, đánh giá về kết quả của việc thực hiện Nghị quyết số 09, đồng thời nhất trí ban hành Nghị quyết mới về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

để từng bước đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu lên từ biển, dựa vào biển và hướng ra biển. Phấn đấu đến năm 2030 đạt các mục tiêu cơ bản về phát triển bền vững kinh tế, xã hội và môi trường biển, vùng ven biển và hải đảo. Tăng trưởng kinh tế biển và thu nhập bình quân đầu người của các tỉnh, thành phố ven biển ngày càng cao so với mức tăng trưởng chung của cả nước; đóng góp của các ngành kinh tế thuần biển chiếm khoảng 10% GDP cả nước; đóng góp GRDP của các tỉnh, thành phố ven biển chiếm 65 - 70% GDP cả nước. Chỉ số phát triển con người (HDI) các tỉnh, thành phố ven biển cao hơn mức trung bình của cả nước; đáp ứng được các yêu cầu thiết yếu của người dân sống trên các đảo... Kiểm soát chặt chẽ, ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển, nhất là chất thải nhựa đại dương. Ở các tỉnh, thành phố ven biển, chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường; các khu kinh tế, khu công nghiệp và khu đô thị ven biển có hệ thống xử lý nước thải tập trung, bảo

đảm đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường và được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Chú ý kết hợp chặt chẽ giữa phát triển bền vững kinh tế biển với xây dựng xã hội gắn kết hài hoà với biển; bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học, hệ sinh thái biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng phù hợp với quy luật tự nhiên; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế về biển. Bảo đảm cân bằng sinh thái và hài hoà các mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, liên kết và hỗ trợ giữa các vùng nội địa đất liền, vùng ven biển và hải đảo, đại dương. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia - dân tộc trên các vùng biển, đảo thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia, giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp

quốc; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên các vùng biển, đảo để phát triển bền vững kinh tế. Trong bối cảnh cả thế giới đang thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, cần quan tâm chuyển từ kinh tế biển chủ yếu dựa vào vốn đầu tư, khai thác tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường sang kinh tế dựa trên nền tảng tri thức, khoa học công nghệ, phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của biển Việt Nam. Cơ cấu lại, phát triển đồng bộ và bền vững các ngành, lĩnh vực kinh tế biển, các vùng biển, ven biển và hải đảo theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Chú trọng phát triển các trung tâm kinh tế ven biển, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; phát huy lợi thế về điều kiện địa chiến lược, kinh tế, chính trị và tự nhiên. Khai thác, sử dụng và phát triển bền vững tài nguyên biển, làm động lực cho phát triển kinh tế đất nước. Chủ động thích ứng với biến đổi khu vực và toàn cầu, trong đó có biến đổi khí hậu, nước biển dâng; tăng cường

quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường dựa trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch cụ thể, sát hợp với thực tế. Hết sức coi trọng công tác điều tra cơ bản, thực hiện phương châm nắm chắc, quản chặt, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên biển, bảo tồn đa dạng sinh học biển. Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực nhà nước và xã hội, trong nước và nước ngoài để thực hiện các mục tiêu, định hướng chiến lược về phát triển bền vững kinh tế biển. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, phát triển khoa học - công nghệ, lấy khoa học - công nghệ tiên tiến và nguồn nhân lực chất lượng cao làm khâu đột phá để phát triển kinh tế biển. Đồng thời khẩn trương hoàn thiện thể chế, chính sách tạo môi trường và điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư có công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến, hiện đại phát triển kết cấu hạ tầng và kinh tế biển.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, cần hết sức chú trọng công tác giáo dục, tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức, thống nhất tư tưởng trong

toàn Đảng, toàn dân. Đồng thời, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các thể chế, chính sách, bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư sát hợp với thực tế để thực hiện có hiệu quả. Chú trọng các lĩnh vực theo thứ tự ưu tiên: Phát triển du lịch biển, đảo; kinh tế hàng hải; khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản khác; nuôi trồng, khai thác thủy hải sản và phát triển hạ tầng nghề cá; phát triển công nghiệp đóng tàu; phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế mới. Tập trung đầu tư có hiệu quả các khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị ven biển và hệ thống kết cấu hạ tầng kết nối vùng đồng bộ làm nền tảng đột phá để phát triển vùng biển, ven biển trở thành điểm đến của thế giới đồng thời là cửa ngõ vươn ra thế giới.

3. Về công tác xây dựng Đảng

Tại Hội nghị lần này, sau khi xem xét các Tờ trình của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định một số vấn đề quan trọng sau đây:

Một là, thống nhất cao việc ban

hành Quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trung ương cho rằng, trong những năm qua, nhờ có những chủ trương, quy định đúng đắn, kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương cho nên ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên từng bước được nâng lên, từ đó có những hành động thiết thực trong công tác và cuộc sống, tạo được sự chuyển biến tích cực về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong làm việc; ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết nội bộ. Việc thực hiện các chủ trương, quy định về nêu gương của Đảng đã góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên; góp phần ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, tham nhũng, tiêu cực, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng. Nhiều đồng chí đã có ý thức rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức,

lối sống, hết lòng, hết sức tận tụy với công việc, được quần chúng yêu mến, tin nhiệm.

Tuy nhiên, những kết quả thu được còn hạn chế, chưa đạt được yêu cầu đề ra. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện vẫn còn bất cập, hiệu quả chưa cao, chưa tạo được sức lan toả lớn. Một số cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp chưa xác định rõ trách nhiệm và chưa thật sự gương mẫu trong việc rèn luyện, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống..., gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Ban Chấp hành Trung ương cơ bản thống nhất với các nội dung trong dự thảo Quy định, cho rằng dự thảo đã được chuẩn bị công phu, vừa có tính khái quát, vừa cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, có tính khả thi; giao cho Bộ Chính trị tiếp tục tiếp thu các ý kiến đóng góp bằng văn bản của Trung ương để hoàn thiện và sớm ban hành Quy định. Trung ương nhấn mạnh, nếu gần 200 Ủy viên Trung ương khoá XII, từng đồng chí thật sự soi vào bản

thân mình, để cao trách nhiệm nêu gương và gương mẫu đi đầu thực hiện thì sẽ có sức lan toả rất lớn, sẽ tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị, góp phần củng cố, tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên, nhân dân vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Bác Hồ đã dạy: “Một tấm gương sống có giá trị hơn cả trăm bài diễn văn tuyên truyền”. Tuy nhiên, cách viết phải rất trong sáng, chặt chẽ, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, giám sát, không để cho các thế lực xấu, thù địch lợi dụng xuyên tạc, kích động chống phá chúng ta.

Hai là, thống nhất quyết định thành lập 5 tiểu ban chuẩn bị Đại hội XIII của Đảng gồm: Tiểu ban Văn kiện; Tiểu ban Kinh tế - Xã hội; Tiểu ban Điều lệ Đảng; Tiểu ban Nhân sự và Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội. Khi xem xét, quyết định thành lập các Tiểu ban, Trung ương đã thảo luận và thống nhất cao với Tờ trình của Bộ Chính trị, đồng thời yêu cầu các Tiểu ban cần khẩn trương xây dựng chương trình, kế

hoạch để sớm đi vào hoạt động. Đặc biệt là Tiểu ban Văn kiện và Tiểu ban Kinh tế - Xã hội cần tăng cường phối hợp với các cơ quan nghiên cứu, tham mưu của Đảng và Nhà nước, chặt lọc, kế thừa các kết quả nghiên cứu trong những năm gần đây và căn cứ vào tình hình thực tế của đất nước để đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, với Đại hội XIII của Đảng những chủ trương, chính sách tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mạnh mẽ, sâu sắc và đồng bộ hơn, tạo xung lực mới cho phát triển đất nước nhanh và bền vững, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Ba là, Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét và quyết định giới thiệu đồng chí Tổng Bí thư để Quốc hội bầu làm Chủ tịch nước khoá XIV; bầu bổ sung 2 đồng chí Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khoá XII. Ban Chấp hành Trung ương cũng đã xem xét, thi hành kỷ luật đồng chí Nguyễn Bắc Sơn, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Ban cán sự đảng, nguyên Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông bằng hình thức cách

chức Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khoá XI và Bí thư Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông nhiệm kỳ 2011 - 2016; kỷ luật đồng chí Trần Văn Minh, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, nguyên Phó Bí thư Thành uỷ, nguyên Bí thư Ban cán sự đảng, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng bằng hình thức khai trừ ra khỏi đảng (Theo Quy định số 30, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư sẽ tiếp tục chỉ đạo thực hiện quy trình xử lý kỷ luật về hành chính đối với đồng chí Nguyễn Bắc Sơn và đồng chí Trần Văn Minh bảo đảm đồng bộ, kịp thời, tương ứng với kỷ luật đảng). Việc xem xét, quyết định về công tác cán bộ và thi hành kỷ luật đã được tiến hành rất chặt chẽ, dân chủ, đúng quy định của Đảng với sự thống nhất rất cao của Ban Chấp hành Trung ương.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII đã thành công tốt đẹp. Trong năm

2018 và nửa đầu nhiệm kỳ khoá XII, sự nghiệp phát triển đất nước đã có những chuyển biến tích cực, toàn diện trên các lĩnh vực, năm sau tốt hơn năm trước. Tuy nhiên, chúng ta tuyệt nhiên không được chủ quan, thoả mãn, bởi vì trước mắt chúng ta vẫn đang có rất nhiều khó khăn, thách thức, vẫn còn nhiều việc lớn, việc khó phải làm và phải làm tốt hơn nữa mới có thể thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XII của Đảng.

Tôi đề nghị từng đồng chí Trung ương, trên cương vị công tác của mình, ngay sau Hội nghị này, phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết, kết luận, quy định của Hội nghị, góp phần hoàn thành tốt mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội quý IV, cả năm 2018 và các năm tiếp theo.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII. Chúc các đồng chí mạnh khoẻ, hoàn thành tốt trọng trách của mình trước Đảng, nhân dân và đất nước.

Xin trân trọng cảm ơn ■

ĐỒNG CHÍ ĐỖ MƯỜI - NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC, CÓ UY TÍN LỚN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN TA



Ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng đồng bào, đồng chí cả nước, bạn bè và gia đình tổ chức trọng thể Lễ truy điệu và tiễn đưa đồng chí Đỗ Mười - Nhà lãnh đạo xuất sắc, có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta; người đảng viên cộng sản kiên trung, suốt đời cống hiến, hy sinh vì lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân, về nơi an nghỉ cuối cùng. Đồng chí Đỗ Mười mất đi là một tổn thất to lớn đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, đối với gia quyến đồng chí Đỗ Mười, để lại niềm tiếc thương đối với bạn bè quốc tế...

“**H**ôm nay, trong niềm xúc động và tiếc thương vô hạn, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy

Từ tháng 6 năm 1991 đến tháng 12 năm 1997, trên cương vị Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Quân uỷ Trung ương, bằng những kinh nghiệm thực tiễn phong phú, đồng chí Đỗ Mười đã cùng tập thể Ban Chấp hành Trung ương, Bộ

Chính trị, Ban Bí thư luôn nêu cao tinh thần kiên định, vững vàng, đoàn kết, thống nhất, lãnh đạo, chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua nhiều thách thức, tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

Trọn cả cuộc đời với hơn 80 năm hoạt động cách mạng, đồng chí Đỗ Mười đã có nhiều công lao to lớn và cống hiến xuất sắc đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, dân tộc ta, gắn liền với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Là cán bộ lão thành cách mạng, được tôi luyện, trưởng thành qua các cuộc kháng chiến, tù đày và trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng chí luôn giữ vững ý chí, phẩm chất của người chiến sĩ cộng sản, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; không ngừng rèn luyện, ham học tập, trau dồi đạo đức cách mạng, nâng cao tri thức, tìm tòi, sáng tạo, có bản

lĩnh chính trị vững vàng, sắc sảo, quyết đoán và hành động quyết liệt trong mọi công việc.

Là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt tiêu biểu của Đảng, dù ở cương vị nào, đồng chí cũng mang hết nhiệt huyết đóng góp nhiều ý kiến quan trọng vào những vấn đề lớn của đất nước. Đồng chí luôn quan tâm tới vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thường xuyên nhấn mạnh phải xây dựng Đảng ta thật trong sạch, vững mạnh, giữ vững nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, xa rời quần chúng; chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực...

Với 102 tuổi đời, 80 năm tuổi Đảng, đồng chí Đỗ Mười đã trọn đời phấn đấu, cống hiến cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và nhân dân ta. Đồng chí đã được trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Sao Vàng; Huy hiệu 80 năm tuổi đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế” ■

(Trích Lời diếu tại Lễ truy điệu nguyên Tổng bí thư Đỗ Mười do Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng ban lễ tang đọc)

CHỦ TỊCH NƯỚC TRẦN ĐẠI QUANG, NHÀ LÃNH ĐẠO CÓ NHIỀU CỐNG HIẾN CHO SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VẺ VANG CỦA ĐẢNG VÀ DÂN TỘC, VÌ HẠNH PHÚC CỦA NHÂN DÂN



“Đồng chí Trần Đại Quang, Ủy viên Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Trưởng ban chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương, Đại biểu Quốc hội, nhà lãnh đạo có

nhiều cống hiến cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân đã vĩnh biệt chúng ta. Đây là một tổn thất lớn đối với Đảng, Nhà nước, nhân dân ta và gia quyến đồng chí...

Từ sau kỳ họp thứ XI, Quốc hội khóa XIII tháng 4/2016 đến nay, trên cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ

tịch nước CHXHCN Việt Nam, đồng chí đã cùng tập thể lãnh đạo Đảng, Nhà nước tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc thứ XII của Đảng, các Nghị quyết của BCH Trung ương, của Quốc hội; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Trưởng ban chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương theo đúng chủ trương đường lối của Đảng, quy định của Hiến pháp và pháp luật. Qua đó đã tích cực góp phần đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, nâng cao vai trò, vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước, đồng chí luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức, gương mẫu và giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất của

Đảng; thương yêu đồng chí, đồng bào; thực sự cầu thị, khiêm tốn, học hỏi, trân trọng lắng nghe, tiếp thu các ý kiến đóng góp; luôn đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết; được đồng chí, đồng bào quý mến, bạn bè quốc tế trân trọng.

Trong công tác, đồng chí là cán bộ lãnh đạo có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, đường lối của Đảng và lợi ích quốc gia, dân tộc; có ý chí chiến đấu cao, kiên quyết đấu tranh bảo vệ Đảng, chế độ XHCN, bảo vệ Nhà nước và nhân dân...

Với 63 tuổi đời, 38 năm tuổi đảng, đồng chí Trần Đại Quang đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, dân tộc và hạnh phúc của nhân dân.

Đảng và Nhà nước đã ghi nhận, trao tặng đồng chí nhiều huân, huy chương cao quý và Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng” ■

(Trích Điều văn tại Lễ truy điệu Chủ tịch nước Trần Đại Quang do Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng ban lễ tang đọc)



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

BẢO VỆ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

● GS, TS LÊ HỮU NGHĨA

Nguyên Phó Chủ tịch HĐLL TW

Củu nghĩa Mác do C.Mác và Ph.Ăng ghen sáng lập vào giữa thế kỷ XIX, đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã được V.I.Lênin phát triển thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ thời C.Mác cho đến thời Lênin và cho đến ngày nay, khi nhân loại đã bước vào hai thập niên đầu thế kỷ XXI, thế giới đã trải qua biết bao biến cố thăng trầm, quanh co, phức tạp, song đời sống xã hội vẫn không nằm ngoài những quy luật phổ biến đã được C.Mác tổng kết. Khẳng định giá trị, sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời phải đấu tranh phê phán các quan điểm xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, nhằm bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong tình hình mới.

1. Trong quá trình xây dựng và phát triển học thuyết của mình, C.Mác và

Ph.Ăng ghen đã phải đấu tranh chống lại các quan điểm, duy tâm, siêu hình, các quan điểm giáo điều, xét lại. Các ông đã từng phê phán quan điểm của phái Hêghen trẻ, của Pru đông, của Duy rinh, của Látxan và nhiều quan điểm tư sản khác. Thông qua sự phê phán quan điểm phản diện các ông đã trình bày quan điểm chính diện của mình, đã phát triển, hoàn thiện học thuyết của mình. C.Mác và Ph.Ăng ghen đã từng khẳng định rằng, học thuyết của các ông *có tính phê phán và cách mạng*, nó không đội trời chung với chủ nghĩa giáo điều, bảo thủ, với quan điểm duy tâm, siêu hình, cơ hội, xét lại. Có thể nói, thông qua đấu tranh tư tưởng, lý luận để bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác là *tính quy luật* trong sự tồn tại của chủ nghĩa Mác.

Để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới V.I. Lênin đã kiên quyết đấu tranh, kịch liệt phê phán những quan điểm cơ hội, xét lại của các nhà lãnh đạo Quốc tế II như Becxtanh, Cauxki..., đã đấu tranh với những quan điểm sai lầm của Plêkhanốp, Bukharin, Tơrốttxki, đã phê phán chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán với các đại biểu như E.Makxơ, Avênariut... Vận dụng chủ nghĩa Mác một cách sáng tạo vào thực tiễn nước Nga, Lênin và Đảng Bôn-sê-vích đã lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân Nga tiến hành cuộc Cách mạng tháng Mười vĩ đại, mở ra thời đại mới trong sự phát triển của loài người - thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH trên phạm vi toàn thế giới. Vận dụng phép biện chứng mác xít vào xây dựng CNXH ở nước Nga, Lênin đã đề ra *Chính sách kinh tế mới*, với chủ trương thực hiện nhiều bước quá độ nhỏ về kinh tế - xã hội, thay thế chế độ trưng thu lương thực bằng thuế lương thực, áp dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, phát triển thương mại, sử dụng chuyên gia tư sản, áp dụng CNTB nhà nước, học tập kinh nghiệm của CNTB... Chính sách kinh tế mới của Lênin đã

đưa nước Nga thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội mùa xuân năm 1921, bước sang một giai đoạn phát triển mới.

Trong thời đại ngày nay, chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn là học thuyết khoa học và cách mạng duy nhất đáp ứng được nhiệm vụ lịch sử mà không một học thuyết nào có thể thay thế được. Sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin được thể hiện ở chỗ nó soi sáng các nhiệm vụ lịch sử đã chín muồi của nhân loại. Nhiệm vụ giải phóng con người khỏi mọi hình thức áp bức, bóc lột, bất công, tha hóa. Thời đại ngày nay có nhiều nội dung, đặc điểm rất mới so với thời C.Mác và V.I.Lênin sống và hoạt động. Song các giá trị bền vững trong tư tưởng, quan điểm và phương pháp của Mác, Ăngghen, Lênin đã và đang là lý luận và phương pháp luận khoa học để nhận thức và cải tạo thế giới, còn những hạn chế lịch sử trong một số luận điểm cụ thể nào đó của các ông thì lại đặt ra yêu cầu phải bổ sung, phát triển cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới. Chính bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin đòi hỏi phải như vậy. Giá trị, sức sống của học

thuyết Mác - Lênin không phải ở chỗ mọi câu nói của các ông là những chân lý vĩnh cửu, những người cách mạng cú thể mà áp dụng không cần xem xét điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Chính C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhiều lần tuyên bố: ***Học thuyết của chúng tôi không phải là giáo điều mà là kim chỉ nam cho hành động.***

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời cho đến nay, chủ nghĩa Mác - Lênin đã được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thu, vận dụng và phát triển sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam và thời đại. Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành ***nền tảng tư tưởng của Đảng, kim chỉ nam cho cách mạng.***

Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc, những thành tựu trong công cuộc đổi mới, xây dựng CNXH hơn 30 năm qua đã khẳng định sức sống, ý nghĩa thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với cách mạng Việt Nam.

Trong công cuộc đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử cả về nhận thức lý luận và thực tiễn. Nhận thức về

CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam ngày càng sáng tỏ hơn, ngày càng được bổ sung, phát triển qua các kỳ đại hội đảng. Trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn biến đổi của tình hình thế giới. Đảng Cộng sản Việt Nam đã có cách tiếp cận tình hình quốc tế và thời đại ngày càng phù hợp hơn và sâu sắc hơn; nhận thức đầy đủ hơn tính chất lâu dài, quanh co phức tạp của thời đại quá độ lên CNXH và đánh giá đúng hơn những mâu thuẫn cũng như tiềm năng phát triển của CNTB hiện đại, thấy rõ hơn các xu hướng biến đổi của tình hình thế giới và khu vực, từ đó đưa ra chính sách phù hợp.

Những thành tựu về lý luận và thực tiễn của Việt Nam qua hơn 30 năm đổi mới đã khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, hợp lòng dân, con đường đi lên CNXH là ***phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại***, phù hợp với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy Văn kiện Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam (01/2016) yêu cầu toàn Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên phải “Kiên định chủ nghĩa Mác

- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam”⁽¹⁾.

2. Từ sau khi chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, phe CNXH tan rã, tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp khó lường, nhất là trong những năm gần đây.

Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, khủng bố, chủ nghĩa ly khai, chiến tranh mạng, xâm phạm chủ quyền quốc gia tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực trên thế giới.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh, từ đó thúc đẩy các nước tham gia ngày càng sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy nhiên, xu thế toàn cầu hóa đang bị nhiều rào cản do tác động của những nhân tố phản toàn cầu hóa như sự gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ thương mại, sự nổi lên của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa dân tộc cực đoan nhất là của một số nước lớn.

Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng công

ngiệp 4.0) phát triển mạnh mẽ, tạo ra nhiều đột phá trong các lĩnh vực, tác động sâu sắc và nhiều chiều đến kinh tế, chính trị, xã hội của thế giới.

Cục diện thế giới từ chỗ tồn tại hai phe, hai siêu cường là Mỹ và Liên Xô, giờ đây lại theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh chóng. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng.

Cùng với những diễn biến trên đây, những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... có nhiều diễn biến phức tạp. Cộng đồng quốc tế phải tăng cường đối phó với những thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, đặc biệt là an ninh mạng và các hình thái chiến tranh kiểu mới...

Có thể nói, tình hình thế giới hai thập niên đầu thế kỷ XXI với những xu thế và đặc điểm nổi bật trên đây rất khác so với thời kỳ C.Mác, Ph.Ăng ghen và V.I.Lênin sống và hoạt động. Tình hình đó tác động đến các đảng cộng sản, các cán bộ, đảng viên của các đảng trong đó có ĐCSVN, nó đặt ra

nhiều **vấn đề mới** trong việc nhận thức, nghiên cứu để vận dụng, bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin.

Ở đây, theo chúng tôi, phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa kiên định và sáng tạo, giữa bảo vệ và phát triển. Kiên định Chủ nghĩa Mác - Lênin không có nghĩa là khư khư nắm giữ những câu chữ của Mác, Ăng ghen, Lênin mà phải nắm vững bản chất khoa học và cách mạng của nó, phải vận dụng và phát triển sáng tạo nó. Kiên định và sáng tạo đối với chủ nghĩa Mác - Lênin là 2 mặt của một vấn đề thống nhất với nhau, kiên định phải trên cơ sở sáng tạo, còn sáng tạo phải trên cơ sở kiên định. Cũng với tinh thần đó có thể coi bảo vệ và phát triển là hai mặt của một vấn đề. Cách tốt nhất để **bảo vệ** một học thuyết khoa học và cách mạng Chủ nghĩa Mác - Lênin là phải phát triển sáng tạo nó cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới. **Bảo vệ bằng cách phát triển và thông qua sự phát triển là cách tốt nhất** để bảo vệ một học thuyết khoa học. Ngày nay, sự biến đổi của tình hình thế giới cũng đặt ra nhiều **thách thức** cho việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin mà

những người mác - xít phải nỗ lực vượt qua bằng bản lĩnh chính trị, bằng năng lực tư duy lý luận sáng tạo, bằng việc tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, khắc phục cả bệnh giáo điều, bảo thủ cũng như chủ nghĩa cơ hội, xét lại lẫn phương pháp tư duy siêu hình, cực đoan.

Như trên đã nói, sự sụp đổ chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu, sự tiếp tục tồn tại và phát triển, nhất là về kinh tế của CNTB, sự xuyên tạc tấn công của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị vào ý thức hệ XHCN đã làm cho một số cán bộ, đảng viên thiếu bản lĩnh chính trị vững vàng, giảm sút niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin và CNXH. Có quan điểm vin vào sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu để phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin. Chúng ta thấy rằng sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô là sự sụp đổ của một mô hình CNXH - mô hình CNXH tập trung quan liêu, bao cấp chứ không phải là sự sụp đổ của CNXH nói chung, đó là mô hình cũ của CNXH. Sự sụp đổ của nó có nguyên nhân khách quan và chủ quan, bên trong và bên ngoài, nguyên nhân sâu xa và nguyên nhân trực tiếp. Chính

những khuyết tật của mô hình CNXH đó không được phát hiện và khắc phục kịp thời, tồn tại kéo dài, tích tụ lại, đã đẩy xã hội xô viết đến nguy cơ sụp đổ. Sự sai lầm về đường lối cải tổ của lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô - cả đường lối kinh tế, chính trị, tư tưởng, tổ chức, đối ngoại, sự phản bội lý tưởng XHCN của những người lãnh đạo cao nhất trong Đảng và Nhà nước cộng với sự chống phá, âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc. Không thể qui sự sụp đổ của Liên Xô vào chủ nghĩa Mác - Lênin. Chính sự nhận thức sai, vận dụng sai, sự phản bội lại chủ nghĩa Mác - Lênin của lãnh đạo ĐCS Liên Xô là một nguyên nhân trực tiếp quan trọng. Kinh nghiệm cải cách, mở cửa của Trung Quốc, đổi mới của Việt Nam là minh chứng cho điều đó. Cải tổ là tất yếu, nhưng sự thất bại của cải tổ không phải là tất yếu, nếu đảng cộng sản có đường lối cải tổ đúng đắn, trung thành và sáng tạo trong vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, trung thành với lý tưởng XHCN, có bản lĩnh chính trị vững vàng, cảnh giác với âm mưu và hoạt động chống phá CNXH của các thế lực thù địch, xây dựng Đảng và Nhà nước

vững mạnh, chống được quan liêu, tham nhũng, huy động được sức mạnh của toàn dân để bảo vệ chế độ XHCN. Bài học về sự sụp đổ của Liên Xô tuy đã trôi qua gần 30 năm song vẫn là lời cảnh báo thường xuyên đối với các Đảng cộng sản đang cầm quyền ở các nước XHCN để phòng, tránh đi vào “vết xe đổ” của Liên Xô.

Có quan điểm dựa vào yếu tố thời đại để phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lênin. Quan điểm đó cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ phù hợp với thế kỷ XIX hoặc cùng lắm là đầu thế kỷ XX - thời đại văn minh cơ khí, còn bây giờ là thế kỷ XXI - thời đại của cách mạng khoa học - công nghệ, cách mạng công nghiệp 4.0, văn minh tin học, kinh tế tri thức, kinh tế số, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế nên không còn thích hợp nữa, nó đã bị lỗi thời (!). Cũng có quan điểm dựa vào yếu tố địa lý, vào trình độ phát triển của quốc gia để phủ nhận tính phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin. Quan điểm đó cho rằng chủ nghĩa Mác được xây dựng trên cơ sở thực tiễn các nước tư bản phát triển nên không phù hợp với các nước lạc hậu, kém phát triển như Việt Nam, đó không phải là sản phẩm của Việt Nam

mà du nhập từ phương Tây nên không phù hợp với điều kiện Việt Nam. Quan điểm đó đã không thấy sức mạnh của sự trừu tượng hóa, khái quát hóa lý luận của chủ nghĩa Mác, những quy luật của chủ nghĩa Mác vạch ra không chỉ đúng với các nước phát triển mà đúng cả với các nước kém phát triển. Về mặt phương pháp luận, C.Mác đã từng chỉ ra rằng trong cái phát triển cao chứa đựng cái phát triển ở trình độ thấp hơn dưới dạng lạc bỏ.

Những ý kiến trên đây không thấy rằng đúng trên quan điểm khách quan mà xem xét có một số luận điểm cụ thể của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin không còn phù hợp với điều kiện lịch sử mới hiện nay, đã bị thực tiễn lịch sử vượt qua hoặc bị nhận thức sai mà bây giờ phải nhận thức lại cho đúng, song những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong bản chất khoa học và cách mạng của nó, vẫn giữ nguyên giá trị cần phải bảo vệ. Chẳng hạn các quy luật của phép biện chứng duy vật, của lý luận nhận thức mác - xít, của học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những tư tưởng khoa học về nhà nước,

cách mạng xã hội, về CNXH... Hoàn cảnh lịch sử - cụ thể luôn luôn thay đổi, song những quy luật phát triển cơ bản, phổ biến của lịch sử loài người mà chủ nghĩa Mác - Lênin nêu lên là không thay đổi, có giá trị bền vững lâu dài...

Trong thời kỳ đổi mới, ĐCSVN đã có nhiều đổi mới về tư duy lý luận, đã nhận thức lại chủ nghĩa Mác - Lênin theo tinh thần khẳng định sức sống, giá trị bền vững của những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời loại bỏ những nhận thức không đúng, ấu trĩ, giáo điều, duy ý chí về chủ nghĩa Mác - Lênin, về CNXH, phân biệt những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin với những luận điểm cụ thể của các nhà kinh điển gắn liền với những hoàn cảnh cụ thể lúc đó mà sau này đã bị lịch sử vượt qua. ĐCSVN đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới của VN và thời đại trên một loạt vấn đề như mục tiêu, đặc trưng và phương hướng cơ bản của xây dựng CNXH, vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân...,

đó là những vấn đề không có sẵn trong di sản kinh điển mác xít. Không có sự vận dụng, phát triển sáng tạo đó thì không có những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà nhân dân Việt Nam đạt được qua hơn 30 năm đổi mới.

Có một thực tế là trong khi có những người xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác thì cũng tại các nước tư bản phát triển, nhiều học giả tư sản như Giắc cơ Đêrêđã, Tery Igoleton, Diđiê Êribông... vẫn thừa nhận chủ nghĩa Mác, đề cao C.Mác, kêu gọi nhân loại hãy “trở về với Mác”, “nhân loại không thể thiếu Mác”, “không có tương lai nếu không có Mác, nếu không có các di sản của Mác”⁽²⁾: Trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế - tài chính những năm 2008 - 2009 ở các nước tư bản phát triển, bộ **“Tư bản”** của C.Mác đã được in và tái bản với số lượng tăng vọt, trở thành sách bán chạy ở các nước tư bản như Anh, Đức, Pháp, Italia, Nhật Bản... Sở dĩ có hiện tượng đó vì người ta muốn tìm câu trả lời từ trong tác phẩm vĩ đại của C.Mác về những vấn đề của xã hội tư bản hiện đại. Nhà sử học

người Anh Êrích Hôxbon nhận xét rằng “việc quay trở lại đọc Mác có nghĩa là thế giới cần phải nghiên cứu học thuyết của ông về CNTB và về vị trí của học thuyết đó trong sự phát triển của xã hội loài người”.

Những ý kiến phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin đã không nhận thức đúng bản chất, nội dung của chủ nghĩa Mác - Lênin, có ý kiến đem quy chủ nghĩa Mác - Lênin về đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, bạo lực trấn áp; hoặc đem đối lập chủ nghĩa Mác - Lênin với lợi ích của dân tộc, hoặc đối lập với tư tưởng Hồ Chí Minh... để phủ nhận, bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã coi chủ nghĩa Mác - Lênin là “chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất”. Người coi chủ nghĩa Mác - Lênin là **“cái cảm nang thần kỳ”**, **“mặt trời chói lọi”** soi sáng con đường cách mạng Việt Nam. Vì vậy Đảng Cộng sản Việt Nam luôn yêu cầu “phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh” ■

⁽¹⁾ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG-ST, HN, 2016, tr.199.

⁽²⁾ Giắc cơ Đêrêđã: *Những bóng ma của Mác*, Nxb CTQG, HN, 1994, tr.16.

THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

● PGS, TS TRẦN QUỐC TOẢN

1. Yêu cầu về phát triển nhanh, bền vững đối với Việt Nam

Qua hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã có những bước phát triển và đạt được những thành tựu có ý nghĩa lịch sử. Tuy nhiên, vẫn là nước mới thoát ra khỏi các nước kém phát triển và bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp chưa lâu; tiềm lực tổng thể còn hạn chế, GDP năm 2017 mới đạt 220 tỷ USD; nguy cơ tụt hậu xa hơn và rơi vào bẫy thu nhập trung bình vẫn còn hiện hữu; thể chế và mô hình tăng trưởng theo chiều rộng đã gần hết động lực phát triển; bối cảnh quốc tế rất phức tạp, cơ hội và thách thức đều lớn. Vì vậy, vấn đề phát triển nhanh, bền vững đất nước là một yêu cầu khách quan, bức thiết.

Để đạt được mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, Thể chế phát triển

cần được xây dựng phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển của đất nước, đồng thời đáp ứng các yêu cầu cao của hội nhập quốc tế trong từng giai đoạn.

2. Những đặc trưng cơ bản của Thể chế phát triển nhanh, bền vững

Có thể khái quát các đặc trưng cơ bản của thể chế phát triển nhanh, bền vững như sau :

1). Đó phải là một **thể chế vượt trội**, có khả năng đón nhận được các cơ hội, những xu hướng phát triển mới, thay đổi với tốc độ nhanh, mang tính đột biến, như cuộc CMCN 4.0; “hóa giải” được các thách thức, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, huy động được tất cả các nguồn lực và sử dụng có hiệu quả các mô hình và trình độ công nghệ để tạo nên động lực phát triển mạnh mẽ. Thể chế phát triển nhanh, bền vững

phải là thể chế “dung hợp” cao, đảm bảo sự đồng bộ, phù hợp giữa thể chế chính trị, thể chế kinh tế và thể chế xã hội *đáp ứng yêu cầu phát triển của giai đoạn mới.*

2). Thể chế chính trị thể hiện tập trung ở nhà nước pháp quyền đưa ra định hướng đường lối, chiến lược, mục tiêu phát triển đúng đắn; đề cao nguyên tắc pháp quyền với hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách phù hợp; thể chế hành chính minh bạch, đơn giản, hiệu quả; thể chế kinh tế thị trường hiện đại, hiệu quả, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững.

3). Thể chế lãnh đạo, quản lý sáng suốt, năng động, hiệu lực, hiệu quả; phát huy sáng tạo, dân chủ; chỉ đạo triển khai tập trung, thống nhất; tập trung nguồn lực phát triển cho những lĩnh vực chủ lực, mũi nhọn.

4). Xây dựng hệ thống tổ chức, bộ máy hệ thống chính trị, nhất là bộ máy nhà nước, tinh gọn, hoạt động

hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính, kỷ cương, dấn thân, sáng tạo.

5). Đề cao vai trò chủ thể của nhân dân, các thành phần kinh tế, các tổ chức trong xã hội trong sự phát triển; coi trọng nhân tố con người, đổi mới, sáng tạo.

6). Phân phối thành quả, lợi ích phát triển hài hòa, tương đối công bằng giữa các tầng lớp, thành viên xã hội; quan tâm thích đáng đến các đối tượng yếu thế.

7). Quy tụ được nhân tâm của nhân dân, gắn kết được các lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội, lợi ích dân tộc, tạo được niềm tin và ý chí chấn hưng quốc gia của dân tộc - đó là động lực cốt lõi của thể chế phát triển nhanh, bền vững.

8). Trong thể chế có những chế định mang tính nguyên tắc chi phối chung, lâu dài; có những chế định mang tính thời đoạn, thích ứng với những điều kiện cụ thể, lĩnh vực cụ thể.

Để đạt được mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, Thể chế phát triển cần được xây dựng phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển của đất nước, đồng thời đáp ứng các yêu cầu cao của hội nhập quốc tế trong từng giai đoạn.

3. Vấn đề trung tâm của thể chế: tạo động lực phát triển

Vấn đề trung tâm, cốt lõi của thể chế là *phải tạo được động lực phát triển trong mỗi con người, mỗi tổ chức, mỗi cộng đồng, kết nối thành động lực phát triển của cả dân tộc. Động lực đó phải được tạo lập đồng bộ cả về mặt lợi ích kinh tế, lợi ích chính trị, lợi ích tinh thần, giá trị xã hội, giá trị dân chủ và pháp quyền, giá trị đạo đức, của tất cả các chủ thể trong xã hội.* Trong đó mỗi thể chế thành phần cần hướng tới tạo lập các giá trị đặc trưng cơ bản của mình, đồng thời tương tác với các thể chế khác để tạo động lực tổng hợp cho sự phát triển, cụ thể là:

- Thể chế chính trị cần xây dựng và thực thi các giá trị chủ yếu sau : giá trị quyền lực chân chính, thúc đẩy phát triển, đặt lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích của nhân dân lên hàng đầu, chống tha hóa quyền lực, tham nhũng; giá trị pháp quyền và dân chủ; giá trị quyền con người và quyền công dân; giá trị lý tưởng, giá trị dân tộc - chấn hưng dân tộc.

- Thể chế kinh tế cần xây dựng và thực thi các giá trị chủ yếu sau :

tôn trọng và bảo vệ quyền tài sản chính đáng; lợi ích kinh tế chính đáng gắn với trách nhiệm xã hội; môi trường sản xuất kinh doanh công khai, minh bạch, bình đẳng, lành mạnh; xác lập và bảo vệ lợi ích liên kết, hợp tác, chia sẻ; thúc đẩy đổi mới - sáng tạo.

- Thể chế xã hội cần xây dựng và thực thi các giá trị chủ yếu sau : công bằng và bình đẳng xã hội; cố kết cộng đồng và đồng thuận xã hội; trật tự và an toàn xã hội; chia sẻ hài hòa thành quả phát triển.

- Thể chế hội nhập quốc tế : cần xác định những giá trị cốt lõi trong hội nhập quốc tế, đó là những giá trị tổng hợp cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, như: lợi ích quốc gia - dân tộc; giá trị hợp tác, liên kết, cộng đồng trách nhiệm, cùng có lợi; đấu tranh vì những giá trị chung của nhân loại...

Để tạo nên động lực phát triển hiện thực, thể chế có hai phương thức tác động vào các chủ thể : Tạo nên ý thức tự nguyện, tự giác; và “áp đặt”. Ý thức tự nguyện, tự giác được hình thành trong một quá trình nhất định; còn “áp đặt” đòi

hỏi phải thực thi theo pháp luật. Phương thức “áp đặt” được sử dụng trong các trường hợp phải xác lập những thể chế, quy định tiên tiến, có hiệu quả hơn đáp ứng với yêu cầu về chất lượng và trình độ phát triển cao hơn, thúc đẩy nhanh sự phát triển. Phương thức “áp đặt” đặc biệt có ý nghĩa đối với những nước còn kém phát triển, nhưng muốn phát triển nhanh, “rút ngắn”; tuy nhiên phải tránh duy ý trí và cần phải xử lý tốt phản ứng xã hội. Phương thức tự nguyện cũng cần có cơ sở pháp lý bảo vệ. *Cần lưu ý đặc biệt tới vai trò liên kết của thể chế giữa các chủ thể, các yếu tố vật chất và phi vật chất theo một trật tự hay mô hình nào đó, nếu phù hợp với yêu cầu và điều kiện khách quan, quy luật khách quan sẽ tạo nên động lực lớn theo “cấp số nhân” thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển, còn nếu tạo sự liên kết - cấu trúc không phù hợp sẽ làm suy yếu, triệt tiêu động lực phát triển.*

4. Những vấn đề đặt ra trong giai đoạn mới

4.1. *Nhận thức rõ bản chất của quá trình đổi mới thể chế phát triển:*

Ngay khi thành lập chính thể “Nước Việt Nam dân chủ công hòa”, thể chế phát triển đất nước, về nguyên tắc, đã mang bản chất “dung hợp”. Tuy nhiên, khi miền Bắc bước vào xây dựng CNXH, cũng như công cuộc xây dựng CNXH trên cả nước sau năm 1975, với những nhận thức sai lệch về CNXH, thể chế phát triển được chế định có những nội dung không phù hợp với quy luật khách quan, thể hiện tập trung ở cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, tuyệt đối hóa vai trò của Nhà nước, của sở hữu toàn dân, sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, coi sở hữu tư nhân và sở hữu cá thể của hộ nông dân là không phù hợp với bản chất của CNXH; không chấp nhận sản xuất hàng hóa và kinh tế thị trường... Trên thực tế, thể chế đó đã hình thành một dạng thể chế “kìm hãm” khác (so với quan niệm của Acemoglu và Robinson), trong đó là sự chế định không đúng quyền tài sản, quyền làm chủ và tự do sản xuất kinh doanh của các chủ thể, không nhận thức đúng và tôn trọng quy luật kinh tế thị trường, không tôn trọng đầy đủ lợi ích kinh tế chính đáng của các chủ thể sản xuất kinh

doanh. Chính điều này đã làm triệt tiêu động lực phát triển - nguyên nhân cơ bản của cuộc khủng hoảng nghiêm trọng về kinh tế - xã hội vào cuối những năm 1970 - đầu những năm 1980, dẫn đến khởi đầu công cuộc đổi mới toàn diện đất nước vào năm 1986.

Công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo từ năm 1986 đã đặt những nguyên tắc mang tính nền móng xây dựng một thể chế phát triển mới, trọng tâm là đặt mục tiêu xây dựng đất nước “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm nội dung cốt lõi của thể chế phát triển. Về phương diện chính trị, từ hệ thống chuyên chính vô sản, nhà nước chuyên chính vô sản chuyển sang hệ thống chính trị, xây dựng nhà nước pháp quyền “của dân, do dân, vì dân”; tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân, quyền tự do, dân chủ; công nhận và bảo vệ quyền tài sản chính đáng của các chủ thể trong xã hội; xác lập chế độ đa sở hữu... Về phương diện kinh tế, xác lập và bảo vệ quyền tự do sản xuất kinh doanh, tôn trọng và bảo vệ lợi ích kinh tế

chính đáng; xác lập thể chế kinh tế thị trường; phát triển nền kinh tế nhiều thành phần... Thể chế kinh tế này đặt mỗi con người, mỗi đơn vị sản xuất kinh doanh trở thành chủ thể của chính mình. Về phương diện xã hội, thực hiện phân phối theo lao động và theo các nguồn chính đáng khác; thực hiện công bằng và bình đẳng xã hội phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển của từng giai đoạn; thực hiện các chương trình phúc lợi xã hội và an sinh xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường, ưu tiên cho những đối tượng yếu thế... Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đạt được trong hơn 30 năm đổi mới cho thấy thể chế phát triển được xây dựng và từng bước hoàn thiện trong quá trình đổi mới đã thực hiện có hiệu quả nhiều đặc trưng của thể chế “dung hợp” (ở những mức độ khác nhau). Tuy nhiên, cũng từ thực tiễn phát triển của đất nước, cho thấy đang còn nhiều yếu kém, bất cập trong xây dựng và thực thi thể chế phát triển đất nước, đang tồn tại không ít “điểm nghẽn” cần phải tiếp tục đẩy mạnh đổi mới khi chuyển sang phát

triển theo chiều sâu và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hơn.

4.2. Những trọng tâm đổi mới thể chế phát triển

Từ thực tiễn, cũng như những yêu cầu mới đặt ra đối với sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong giai đoạn mới, về phương diện thể chế, xin nêu lên một số vấn đề chủ yếu sau:

(1). *Cần xác định xây dựng thể chế phát triển nhanh, bền vững là một đột phá chiến lược*: Đại hội XI của Đảng đã xác định “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội

chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính” là một đột phá chiến lược. Xác định đó là đúng đắn, song trước bối cảnh và yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới cho thấy rằng *điều đó đúng nhưng chưa đủ*. Thực tiễn cho thấy không thể hoàn thiện được thể

chế kinh tế thị trường nếu không được triển khai đồng bộ với hoàn thiện thể chế phát triển đất nước về phương diện chính trị và phương

diện xã hội; giữa đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng nhà nước pháp quyền, xã hội công dân, phát triển nền dân chủ với thể chế kinh tế thị trường. Đại hội XI của Đảng đã chỉ rõ quan điểm phải “Đổi mới đồng bộ và phù hợp về kinh tế và chính trị”. Đến nghị quyết Hội nghị lần thứ năm BCHTW khóa XII của Đảng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN đã

nhấn mạnh phải “Hoàn thiện thể chế kinh tế đi đôi với hoàn thiện thể chế chính trị”; phải “Cơ bản bảo đảm tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, giữa Nhà nước và thị trường; sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo

Công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo từ năm 1986 đã đặt những nguyên tắc mang tính nền móng xây dựng một thể chế phát triển mới, trọng tâm là đặt mục tiêu xây dựng đất nước “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm nội dung cốt lõi của thể chế phát triển.

đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững”. Vì thế, *thể chế phát triển đất nước trong giai đoạn mới phải là thể chế tổng hợp, đồng bộ giữa chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.*

Tuy nhiên, thực tiễn phát triển của đất nước đến nay cho thấy mô hình tăng trưởng - phát triển theo chiều rộng (dựa chủ yếu vào nguồn lực đất đai, tài nguyên, lao động giá rẻ, vốn, sản xuất sản phẩm thô, gia công là chủ yếu) đã gần “cạn kiệt” động lực phát triển. Một yêu cầu tất yếu khách quan và cấp thiết đặt ra là đất nước phải chuyển đổi từ phát triển theo chiều rộng là chủ yếu sang mô hình tăng trưởng - phát triển theo chiều sâu. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 cũng nhấn mạnh “Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược”. Muốn vậy, thể chế phát triển phải được đổi mới làm nền tảng cho phát triển và ứng dụng KH - CN, nhất là công nghệ cao, trên cơ sở phát huy tốt nhân tố con người, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Vì vậy

trong giai đoạn mới không chỉ là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, mà đột phá chiến lược là xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển đất nước nhanh, bền vững theo chiều sâu.

(2). *Thể chế phát triển đất nước nhanh, bền vững theo chiều sâu đòi hỏi sự đồng bộ cao giữa thể chế chính trị, thể chế kinh tế và thể chế xã hội.*

Khi chuyển sang phát triển theo chiều sâu, động lực phải dựa chủ yếu vào nguồn lực con người chất lượng cao và khoa học - công nghệ, sự phát triển thể hiện ở năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Điều này không thể đạt được hiệu quả cao và bền vững nếu chỉ đổi mới thể chế kinh tế. Bản thân sự phát triển theo chiều sâu đặt trọng tâm vào nhân tố con người với trí tuệ và sức sáng tạo, liên quan trực tiếp đến mục tiêu, tiêu chí mới của hệ thống chính trị (khác với trong phát triển theo chiều rộng).

Nếu như khi bắt đầu công cuộc đổi mới, Đảng ta xác định đúng đắn là đổi mới kinh tế phải đi trước một bước, đồng thời từng bước đổi mới chính trị đảm bảo ổn định chính trị

- xã hội, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế; rồi tiến tới phải “bảo đảm tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị”. Khi chuyển sang phát triển theo chiều sâu (nhất là trong bối cảnh hiện nay), đổi mới thể chế chính trị về một số phương diện đòi hỏi phải có “tính vượt trước”, tính định hướng dẫn đường, thể hiện ở năm bất xu thế phát triển của thế giới, nhu cầu phát triển khách quan của đất nước, để định ra đường lối, chiến lược, mục tiêu, mô hình phát triển (chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội) có luận cứ khoa học - thực tiễn đúng đắn, đảm bảo cho đất nước phát triển nhanh - bền vững, không bị tụt hậu. Thể chế chính trị với vai trò “lãnh đạo” trong định hướng sự phát triển *phải chuyển từ “dò đá quan sông”, “thử nghiệm - sửa sai”, sang “chủ động định hướng”, “điều chỉnh - thích ứng”*. Đây là yêu cầu rất cao đối với thể chế chính trị khi chuyển sang mô hình phát triển theo chiều sâu và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Khi chuyển sang phát triển theo chiều sâu, nhất là ứng dụng công nghệ cao, và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

đang tăng tốc, sẽ đặt ra nhiều vấn đề xã hội mới, như lao động việc làm, thất nghiệp cơ cấu, phân hóa thu nhập... Thể chế phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội sẽ phải đổi mới để góp phần “hóa giải” hiệu quả các tác động tiêu cực này, thích ứng với các yêu cầu mới, đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Như vậy, trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển nhanh - bền vững, đòi hỏi sự đồng bộ - phù hợp trong thể chế phát triển theo mối quan hệ biện chứng như sau : *Thể chế chính trị đóng vai trò định hướng “vượt trước”, thể chế kinh tế đóng vai trò trung tâm, thể chế xã hội đóng vai trò điều tiết hài hòa xã hội*. Thể chế chính trị đòi hỏi phải đổi mới để đóng vai trò rất quan trọng trong việc định hướng phát triển, thiết kế cấu trúc và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị, thể chế kinh tế, thể chế phát triển xã hội với những giá trị mới, phát huy cao dân chủ, quyền con người, quyền công dân, giải phóng và phát huy giá trị sáng tạo và trách nhiệm xã hội của mỗi con người và tất cả các chủ thể trong sự phát triển mọi lĩnh vực của đất nước.

Chuyển sang phát triển theo chiều sâu là một quá trình không đơn giản, không thể duy ý chí; còn tùy theo điều kiện cụ thể của từng lĩnh vực, từng ngành, địa phương, đơn vị. Có những lĩnh vực, những “khâu” có thể đi nhanh vào hiện đại, ứng dụng công nghệ cao; có những lĩnh vực, những “khâu” vẫn còn phải phát triển theo chiều rộng với các công nghệ thấp hoặc trung bình do những yếu tố kinh tế, nguồn lực đầu tư, sử dụng lao động... quy định. Tuy nhiên, nếu “nín kéo” quá mức cản thiết phát triển theo chiều rộng, sẽ lỡ mất thời cơ và luôn bị là “kẻ theo sau”. Vì vậy, việc xây dựng thể chế để kết hợp có hiệu quả quá trình chuyển sang phát triển theo chiều sâu với phát triển theo chiều rộng (còn ở mức nào) là một yêu cầu quan trọng đặt ra đối với việc xây dựng thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước.

(3). *Những nội dung chủ yếu về đổi mới và hoàn thiện các thể chế phát triển thành phần trong giai đoạn mới*

(i). *Về thể chế chính trị*: Đổi mới và hoàn thiện tập trung vào những nội dung chủ yếu sau :

- Tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, xây dựng thể chế phát triển hiện đại, hiệu quả.

- Nâng cao năng lực định hướng và hoạch định chiến lược, chính sách phát triển, năng lực dự báo và điều chỉnh chiến lược phát triển; gắn kết hữu cơ các mục tiêu ngắn hạn với các mục tiêu trung và dài hạn, lấy mục tiêu dài hạn để chi phối quá trình phát triển.

- Xác định, xây dựng, thực thi, bảo vệ và tôn vinh các giá trị con người, giá trị công dân, giá trị xã hội, giá trị cộng đồng, giá trị dân tộc; nhất là các giá trị dân chủ, sáng tạo, trách nhiệm xã hội, đáp ứng với yêu cầu phát triển mới. Đây là động lực nội sinh cốt lõi của sự phát triển bền vững.

- Trên cơ sở xác định rõ và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, kiên quyết xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, như Nghị quyết Trung ương sáu khóa XII đã xác định¹.

- *Về Đảng*: Phải nâng cao năng lực lãnh đạo, định hướng chiến lược phát triển, thật sự là lực lượng

tiêu biểu về “đạo đức, văn minh” (Hồ Chí Minh), đây là nhân tố quyết định trong việc lãnh đạo xây dựng và thực thi có hiệu lực, hiệu quả thể chế phát triển nhanh, bền vững. *Phải hoàn thiện thể chế để Đảng thực hiện tốt vai trò và sứ mệnh đã được hiến định trong Hiến pháp 2013: “Đảng đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc..., là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội; Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình; các tổ chức đảng và đảng viên phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”. Điều đó đặt ra yêu cầu Đảng phải tiếp tục đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương thức, cơ chế lãnh đạo*

hệ thống chính trị, nhất là đối với Nhà nước.

- Đảng cần tiếp tục hoàn thiện thể chế dân chủ trong đảng, thực hiện nghiêm túc chế độ tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nhất là các cán bộ cao cấp, những người đứng đầu cấp ủy và chính quyền. Dân chủ trong Đảng phải trở thành biểu tượng dân chủ trong hệ thống chính trị và trong xã hội.

- Đảng phải lãnh đạo xây dựng được một đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, thực sự là “công bộc của dân”, gắn bó với nhân dân, đặt lợi ích của nhân dân, lợi ích quốc gia - dân tộc cao hơn lợi ích cá nhân, có đủ phẩm chất và năng lực thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao (theo nghị quyết Trung ương bảy, khóa XII).

- Về Nhà nước: Đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN

Đảng cần tiếp tục hoàn thiện thể chế dân chủ trong đảng, thực hiện nghiêm túc chế độ tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nhất là các cán bộ cao cấp, những người đứng đầu cấp ủy và chính quyền. Dân chủ trong Đảng phải trở thành biểu tượng dân chủ trong hệ thống chính trị và trong xã hội.

- nhà nước kiến tạo phát triển thực sự “của dân, do dân, vì dân”, “thượng tôn pháp luật”, với bộ máy tinh gọn, hiệu lực hiệu quả; hoàn thiện thể chế kiểm soát quyền lực, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tha hóa quyền lực, “lợi ích nhóm”, “chủ nghĩa tư bản thân hữu”, quan liêu, xa dân; xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, “liêm chính - kỷ cương - hành động - sáng tạo - hiệu quả”. Nâng cao năng lực xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách, năng lực chỉ đạo tổ chức thực hiện, năng lực “phản ứng” chính sách trong bối cảnh biến đổi phức tạp và nhanh chóng của thế giới.

(ii). *Về thể chế kinh tế*: Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN theo Nghị quyết Trung ương sáu khóa XII, tập trung vào những nội dung quan trọng sau:

- Hoàn thiện thể chế về mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội theo nguyên tắc “*nhà nước mạnh - thị trường hiệu quả - xã hội (doanh nghiệp và người dân) năng động, sáng tạo*”.

- Xây dựng và thực thi có hiệu quả mô hình và cơ chế, chính sách chuyển đổi sang phát triển theo chiều sâu (chung của cả nền kinh tế và riêng từng ngành, lĩnh vực). Hoàn thiện thể chế để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả tái cơ cấu nền kinh tế, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, tái cơ cấu đầu tư (nhất là thể chế đầu tư công, sử dụng tài sản công, hiện đang có nhiều bất cập, tiêu cực, tham ô, lãng phí, sử dụng kém hiệu quả).

- Hoàn thiện thể chế để nâng cao chất lượng kinh tế vĩ mô, đây là yêu cầu rất quan trọng đi liền với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô.

- Xây dựng thể chế kết nối các thành phần kinh tế (nhà nước, tư nhân, tập thể, FDI... vốn đang có rất ít kết nối với nhau) trở thành một thực thể hữu cơ, gắn kết với nhau, thúc đẩy phát triển mạnh nội lực nền kinh tế dân tộc. Nâng cao tính độc lập - tự chủ của nền kinh tế, giảm sự phụ thuộc quá lớn vào đầu tư FDI và thị trường nước ngoài.

- Điều chỉnh định hướng, chiến lược, cơ chế chính sách và tiêu chí thu hút FDI trong giai đoạn mới để nâng

cao chất lượng và hiệu quả tổng hợp đóng góp vào sự phát triển chung của cả nước (trong những năm qua FDI có đóng góp to lớn đối với sự phát triển, nhưng đang bộc lộ những bất cập không thể xem thường²). Với thực trạng FDI như hiện nay, độ mở của nền kinh tế càng cao, thì quy mô gia công ngày càng nhiều hơn, sự phụ thuộc vào FDI ngày càng tăng lên.

- Hoàn thiện thể chế để đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân³ cả về quy mô và chất lượng, phát triển theo chiều sâu, theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII.

- Hoàn thiện thể chế, khắc phục những “điểm nghẽn” để phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại (có những đặc điểm riêng cả về kinh tế, xã hội và môi trường). Theo các nhà khoa học và thực tiễn ở các nước cho thấy thể chế, chính sách, khoa học - công nghệ đóng vai trò hơn 50% trong tăng trưởng của nông nghiệp hiện đại, đây là dư địa chính để nâng cao tăng trưởng nông nghiệp. Còn các yếu tố truyền thống như đất, phân bón, máy móc, lao động, dù rất quan trọng, nhưng vai trò ngày càng giảm xuống.

- Xây dựng và thực thi có hiệu quả *thể chế mang tính vượt trội* để kịp thời đón nhận phát triển các phương thức sản xuất kinh doanh mới (đang hình thành và phát triển rất nhanh như nền kinh tế số, nền kinh tế chia sẻ, ứng dụng Blockchain...), phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ mới, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, để chủ động đón nhận, ứng dụng phù hợp, có hiệu quả vào trong sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội (không rơi vào tình trạng chạy theo sau công nghệ, bị công nghệ hiện đại loại ra khỏi sân chơi).

- Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế sở hữu, nhất là thể chế sở hữu và quản lý tài sản công trong hệ thống chính trị, trong đó có thể chế đất đai (đang có nhiều bất cập).

- Tiếp tục hoàn thiện môi trường kinh doanh theo hướng công khai, minh bạch; đẩy mạnh việc cắt giảm điều kiện và thủ tục sản xuất kinh doanh (đang còn nhiều trở ngại)⁴.

- Hoàn thiện, thể chế, cơ chế, chính sách để thúc đẩy quá trình hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh giữa

các chủ thể, theo hướng có sự chia sẻ về trách nhiệm, quyền lợi, rủi ro... để tạo lập các chuỗi sản xuất kinh doanh, chuỗi giá trị bền vững.

(iii). Về thể chế xã hội: Trên cơ sở nhận thức sâu sắc các biến đổi về mặt xã hội dưới tác động (tích cực và tiêu cực) của các xu hướng thay đổi, phát triển của xã hội hiện đại trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, nhất là về văn hóa, thông tin truyền thông, khoa học - công nghệ..., để hoàn thiện thể chế và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội của Đảng và nhà nước, tập trung vào những nội dung bức thiết sau:

- Xây dựng thể chế để thúc đẩy hình thành và phát triển các giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội đáp ứng yêu cầu và làm động lực nội sinh chủ đạo phát triển nhanh - bền vững, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

đất nước. Xây dựng thể chế văn hóa phù hợp, nhân văn, hiện đại, hiệu quả trong tất cả các lĩnh vực và đối với tất cả các chủ thể trong xã hội, nhất là

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc các biến đổi về mặt xã hội dưới tác động (tích cực và tiêu cực) của các xu hướng thay đổi, phát triển của xã hội hiện đại trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế.

trong hệ thống chính trị, trong kinh tế và trong đời sống xã hội.

- Đảm bảo sự phân phối, điều tiết tương đối hài hòa thành quả, lợi ích phát triển giữa các tầng lớp xã hội, giữa các khu vực; chú trọng tới các đối tượng yếu thế, “không để ai tụt lại phía sau”.

- Thực hiện có hiệu quả dân chủ xã hội, nhất là dân chủ ở cơ sở; xây dựng và thực thi có hiệu quả cơ chế giám sát và phản biện xã hội đối với hoạt động của các tổ chức Đảng và Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến quốc kế dân sinh, đến quyền và lợi ích của người dân.

- Thực hiện có hiệu quả quyền tiếp cận thông tin; các tổ chức đảng và các cơ quan nhà nước, các cán bộ và đảng viên phải thực thi nghiêm túc trách nhiệm giải trình trước nhân

dân; xử lý nghiêm, công khai, minh bạch các vi phạm pháp luật (không có vùng cấm), để nâng cao lòng tin của nhân dân, sự đồng thuận xã hội đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

(iv). *Về thể chế hội nhập quốc tế*: Hoàn thiện thể chế để đưa quan hệ quốc tế, hội nhập quốc tế đi vào chiều sâu; tận dụng được các cơ hội, “hóa giải” được các thách thức, thực hiện có hiệu quả các hiệp định và cam kết quốc tế. Vấn đề quan trọng đặt ra là, hiện nay, trong bối cảnh quốc tế và khu vực rất phức tạp, nhiều biến động khó lường, tác động trực tiếp, gián tiếp đến nhiều mặt phát triển của Việt Nam, đòi hỏi phải chủ động điều chỉnh chiến lược hợp tác và hội nhập quốc tế, vừa có tầm nhìn dài hạn, vừa ứng phó có hiệu quả, giảm tác động tiêu cực của các biến động quốc tế và khu vực (như cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đang diễn ra); có những đối sách để bảo vệ nền sản xuất trong nước, không để bị lợi dụng thành nơi “trung chuyển” hàng hóa, bãi thải công nghệ, thành “quốc gia gia công”. Đẩy mạnh tham gia

vào các chuỗi sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

(5). *Nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm của tất cả các chủ thể*: Xây dựng thể chế có chất lượng và thực thi hiệu quả thể chế đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ các giải pháp và cơ chế, chính sách để nâng cao năng lực của tất cả các chủ thể, nhất là đối với thể chế phát triển theo chiều sâu (chủ thể ban hành thể chế, chủ thể lãnh đạo triển khai tổ chức thực hiện thể chế, chủ thể trực tiếp thực thi thể chế). Phải chế định các cơ chế và thiết chế thực thi thể chế nghiêm túc, “nói đi đôi với làm”, “thượng tôn pháp luật”. Sự đồng bộ giữa ban hành và thực thi thể chế đòi hỏi phải nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm của tất cả các chủ thể, từ người lao động đến tầng lớp lãnh đạo các cấp. Chất lượng của thể chế, năng lực của các chủ thể và hiệu lực, hiệu quả thực thi thể chế của tất cả các chủ thể là nhân tố quyết định đảm bảo cho sự phát triển nhanh, bền vững đất nước trong giai đoạn mới.

Vấn đề đặt ra là phải xây dựng được thể chế phát triển nhanh, bền vững theo chiều sâu đồng bộ trên

tầm vĩ mô của cả nước, trên cơ sở triển phù hợp đối với từng ngành, đó cụ thể hóa xây dựng thể chế phát từng lĩnh vực, từng địa phương ■

¹ Hiện nay, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đang rất chồng chéo, trùng chéo về chức năng, nhiệm vụ từ trung ương xuống cơ sở. Hiện nay cả nước có khoảng 200 quận, huyện, Tp. trực thuộc tỉnh và 6.000 xã, phường có 1 trong 2 hoặc cả hai tiêu chí về dân số và đất đai không đạt 50% tiêu chuẩn. Nếu sáp nhập có thể giảm hơn 60.000 cán bộ, công chức...

² Những bất cập của FDI như : công nghệ trung bình chiếm tới 80%, công nghệ cao chỉ khoảng 6%, còn lại là công nghệ thấp; đối với Việt Nam chủ yếu là gia công và được hưởng giá trị gia tăng thấp; tình trạng chuyển giá khá nghiêm trọng; xu hướng hình thành “nền kinh tế vãng lai”, rất ít kết nối với các thành phần kinh tế trong nước, nhất là rất hạn chế về chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực trình độ cao; xếp hạng các quốc gia về chuyển giao công nghệ từ FDI ở Việt Nam chỉ đạt điểm số 4,1, thấp hơn cả Campuchia - 4,7 và Philippines - 4,5, trong khi đó Singapore - 5,9 và Malaysia - 5,4 điểm.

³ Trong hơn 10 năm qua, kinh tế tư nhân chỉ chiếm khoảng 7- 8% trong GDP, tỷ trọng này năm 2016 khoảng 8,21%, thấp hơn 10,46% của năm 2009; doanh nghiệp tư nhân chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hạn chế về nguồn lực, vốn, công nghệ, tiếp cận thị trường, ít có khả năng tham gia vào các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị gia tăng; các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực dịch vụ thương mại, bất động sản, rất ít doanh nghiệp đầu tư vào chế tạo phát triển các sản phẩm...

⁴ Vấn đề cắt giảm điều kiện và thủ tục kinh doanh rất quan trọng, nhưng đang gặp nhiều trở ngại: Theo Nghị quyết của Chính phủ đến 31/10/2018 phải cắt giảm 50% điều kiện và thủ tục kinh doanh, nhưng cho đến hết tháng 7/2018 mới cắt giảm được 16%, tư duy về thể chế “quản” còn rất phổ biến ở các bộ ngành và địa phương, có xu hướng “biến tướng” chuyển điều kiện kinh doanh sang các dạng quy định khác...

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

● PGS, TS NGUYỄN VĂN THẠO

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cho phát triển nhanh, bền vững ở Việt Nam những năm qua

a- Những kết quả

Trong hơn 30 năm qua, quan điểm của Đảng về phát triển nhanh, bền vững đã được thể chế hóa thành hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách để xây dựng, hình thành nên thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thể chế đó ngày càng được hoàn thiện, tạo ra môi trường, động lực phát triển kinh tế, đồng thời gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Có thể tóm tắt một số kết quả trong việc xây dựng,

hoàn thiện thể chế kinh tế cho phát triển nhanh, bền vững đất nước trong những năm qua như sau:

- Luật pháp, chính sách của Việt Nam đã thừa nhận sự tồn tại lâu dài, khuyến khích phát triển nhiều hình thức sở hữu: sở hữu tư nhân, sở hữu tập thể, sở hữu toàn dân, sở hữu hỗn hợp (mà nhà nước là đại diện); nhiều thành phần kinh tế. Điều này đã tạo ra động lực mạnh mẽ để huy động, khai thác, sử dụng các nguồn lực của toàn xã hội vào phát triển kinh tế.

- Việc đổi mới thể chế kinh tế đã tạo ra khuôn khổ, môi trường pháp luật ngày càng hoàn thiện để mọi chủ thể trong xã hội tuân thủ, duy trì trật tự, sự ổn định kinh tế - xã hội; tạo ra

môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng thông thoáng công khai, minh bạch. Quyền tự do kinh doanh ngày càng được thực hiện đầy đủ.

- Những đổi mới thể chế đã hình thành và ngày càng hoàn thiện cơ chế giá thị trường và hoạt động của các loại thị trường.

- Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo ra cơ chế phân phối mới giữa những người tham gia, có đóng góp vào kết quả của các hoạt động kinh tế.

- Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo ra những đổi mới trong chức năng, phương thức quản lý kinh tế của Nhà nước, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã quan tâm tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường

- Nhờ những đổi mới thể chế đó, trong những năm qua Việt Nam đã đạt những thành tựu lớn trong cả 3 trụ cột của phát triển bền vững là

kinh tế, xã hội và môi trường. Quy mô GDP và GDP bình quân đầu người tăng lên. Việt Nam từ vị trí trong nhóm nước nghèo kém phát triển trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp.

b- Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục hoàn thiện

Bên cạnh khẳng định những kết quả tích cực đạt được, cần thấy rằng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn những hạn chế, làm ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững của đất nước.

- Hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước còn hạn chế. Hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách còn thiếu đồng bộ, chồng chéo, thiếu ổn định; việc thực hiện chưa nghiêm túc, còn nhiều vi phạm từ cả phía người dân, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước. Cải cách hành chính còn chậm; nhiều thủ tục hành chính trong việc thành lập doanh nghiệp, cấp phép kinh doanh, điều chỉnh lĩnh vực kinh doanh, thủ tục thanh tra, kiểm tra, thuế, hải quan, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường,... còn gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý kinh tế của Nhà nước công kênh, chức năng nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm chồng chéo, phân công, phân cấp chưa hợp lý. Một bộ phận cán bộ, công chức yếu cả phẩm chất và năng lực, gây khó khăn, cản trở hoạt động của doanh nghiệp. Việc xét xử, giải quyết các vụ tranh chấp, khiếu kiện kinh tế còn chậm, gặp nhiều vướng mắc.

- Quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh chưa được thực hiện đầy đủ, môi trường đầu tư kinh doanh chưa thật thông thoáng, công khai, minh bạch. Độc quyền nhà nước vẫn còn trở thành độc quyền của doanh nghiệp nhà nước. Việc tham gia thị trường của doanh nghiệp tư nhân còn nhiều rào cản. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế chưa thật sự bình đẳng tiếp cận các nguồn lực, các cơ hội phát triển. Việc sắp xếp lại, đổi mới, chuyển doanh nghiệp nhà nước sang cơ chế tự chủ, hoạt động theo cơ chế thị trường còn gặp nhiều vướng mắc về thể chế. Mặc dù đã có luật phá sản, nhưng việc thực hiện phá sản doanh nghiệp còn rất khó khăn. Thể chế

thu hút đầu tư nước ngoài FDI chậm sửa đổi, bổ sung; doanh nghiệp FDI vẫn còn đầu tư nhiều vào lĩnh vực gia công, lắp ráp, khai thác nguồn lực lao động rẻ và tài nguyên, tỷ lệ nội địa hóa thấp; ít liên kết, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong nước, gây ô nhiễm môi trường. Thể chế chưa thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng; cơ cấu lại nền kinh tế, chưa thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao...

- Việc huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực (vốn, đất đai, tài nguyên, lao động...) còn chưa theo đúng cơ chế thị trường. Cơ chế xin - cho, sự can thiệp hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước vào phân bổ nguồn lực, vào hoạt động của doanh nghiệp còn nhiều. Đất công bị xâm lấn, giao cho doanh nghiệp không qua đấu thầu cạnh tranh, gây thất thoát lớn tài sản nhà nước. Vốn nhà nước đầu tư phân tán, dàn trải, thi công kéo dài, xin điều chỉnh tăng vốn nhiều lần, thất thoát, lãng phí lớn. Nguồn lực khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao chưa được quan tâm phát triển, đóng

góp vào phát triển kinh tế còn hạn chế. Nhiều nguồn lực xã hội chưa được huy động, sử dụng có hiệu quả.

- Giá cả một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng còn chưa được xác định theo cơ chế thị trường; các thị trường còn nhỏ, chưa phát triển, vận hành chưa thông suốt, còn nhiều vướng mắc. Lãi suất chưa được tự do hóa; giá đất, xăng dầu, điện, nước giá các dịch vụ y tế, giáo dục vẫn theo khung giá do nhà nước quy định. Tiền lương chưa linh hoạt, theo thỏa thuận của người lao động và người sử dụng lao động, chưa gắn với năng suất lao động, vẫn bị quy định bởi mức lương tối thiểu theo vùng, được điều chỉnh hàng năm của nhà nước. Thị trường hàng tiêu dùng không kiểm soát được chất lượng hàng hóa, không ngăn chặn được tình trạng buôn lậu, làm hàng giả, hàng nhái, không bảo đảm được vệ sinh, an toàn thực phẩm. Thị trường tài chính, tiền tệ còn sơ khai, nhiều loại dịch vụ còn chậm phát triển, thị trường chứng khoán chưa trở thành kênh huy động vốn dài hạn có hiệu quả cho doanh nghiệp. Thị trường quyền sử dụng đất, thị trường khoa

học - công nghệ chưa phát triển, thiếu những tổ chức tư vấn pháp luật, đánh giá chất lượng hàng hóa, định giá sản phẩm...

- Thể chế gắn kết phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường còn chưa đồng bộ, chặt chẽ. Đổi mới thể chế phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo y tế còn chậm, lúng túng. Việc chuyển các tổ chức nghiên cứu khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, bệnh viện, cơ sở y tế công lập sang cơ chế tư nhân và huy động các nguồn lực xã hội phát triển các lĩnh vực này còn nhiều vướng mắc. Xóa nghèo chưa bền vững; cơ chế, chính sách chưa khuyến khích người nghèo vươn lên thoát nghèo mà tạo tâm lý ỷ lại, dựa vào hỗ trợ của Nhà nước. Vẫn còn biểu hiện chạy theo tốc độ tăng trưởng kinh tế, chưa chú ý đúng mức tới phát triển xã hội và môi trường bền vững...

Đây là nguyên nhân trực tiếp làm cho sự phát triển của Việt Nam những năm qua chưa thật sự bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Tốc độ tăng trưởng kinh tế không ổn định, có xu hướng chậm

dần¹. Kinh tế vẫn chủ yếu phát triển theo chiều rộng; dựa vào khai thác tài nguyên và người lao động giá rẻ; trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp, chậm được cải thiện. Kinh tế vĩ mô chưa ổn định; thâm hụt cán cân thương mại, bội chi ngân sách nhà nước cao, kéo dài; nợ công đã ở mức báo động, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ổn định. Giảm nghèo chưa bền vững; phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng xã hội có xu hướng gia tăng; chất lượng giáo dục - đào tạo, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều hạn chế; tỷ lệ lao động thiếu việc làm còn cao; đời sống của nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, đồng bào các dân tộc thiểu số, còn nhiều khó khăn. Tình trạng quản lý lỏng lẻo, khai thác, sử dụng tài nguyên kém hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường, chậm được khắc phục. Tình trạng công nghệ sản xuất lạc hậu, thiếu các biện pháp xử lý

chất thải ở các làng nghề, cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các bệnh viện; việc sử dụng phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, các chất bảo quản không kiểm soát được... đã gây nên nhiều điểm ô nhiễm, nhiều sự cố môi trường nghiêm trọng, làm suy thoái chất lượng đất, nước, không khí, ảnh hưởng xấu đến sản xuất và sức khỏe, đời sống của nhân dân.

2. Một số định hướng hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong những năm tới

(1) Cần phải thể chế hóa đầy đủ quyền sở hữu quyền tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân theo quy định của Hiến pháp năm 2013 để quyền sở hữu, quyền tài sản của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân được pháp luật bảo vệ. Cần phải hoàn thiện thể chế phân bổ các nguồn lực,

Cần phải thể chế hóa đầy đủ quyền sở hữu, quyền tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân theo quy định của Hiến pháp năm 2013 để quyền sở hữu, quyền tài sản của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân được pháp luật bảo vệ.

nhất là các nguồn lực của Nhà nước, để các nguồn lực được sử dụng có hiệu quả. Hoàn thiện pháp luật về đất đai, tài nguyên, các tài sản của Nhà nước để đất đai, tài nguyên, các tài sản này được quản lý, sử dụng hợp lý, có hiệu quả, khắc phục tình trạng tham nhũng, lãng phí, tranh chấp, khiếu kiện trong lĩnh vực này những năm qua. Nhà nước giao quyền sử dụng đất đai, quyền khai thác tài nguyên cho doanh nghiệp theo cơ chế thị trường, thông qua đấu thầu cạnh tranh. Hoàn thiện thể chế về đầu tư vốn nhà nước, xóa bỏ cơ chế xin - cho, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, thi công kéo dài, xin điều chỉnh tăng vốn đầu tư; việc quản lý và sử dụng tài sản công phù hợp với cơ chế thị trường để vốn, tài sản nhà nước được sử dụng có hiệu quả.

(2) Hoàn thiện thể chế bảo đảm quyền tự do kinh doanh; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khởi nghiệp, tạo môi trường cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh theo pháp luật. Hoàn thiện thể

chế cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, tách chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp khỏi các bộ, ngành; không biến độc quyền nhà nước thành độc quyền của các doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp nhà nước có quyền tự chủ, hoạt động theo cơ chế thị trường, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Nhà nước có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế tập thể; hỗ trợ các hợp tác xã tiếp cận nguồn vốn, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường. Xây dựng, hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo. Tiếp tục hoàn thiện thể chế gỡ bỏ những rào cản; phân biệt đối xử trong tiếp cận các nguồn lực, các thủ tục hành chính phiền hà, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân; khuyến khích hình thành những tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh để kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Có chính sách định

hướng, khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, những lĩnh vực tiêu biểu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư nước ngoài, chủ động lựa chọn các dự án đầu tư có công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, có cam kết liên kết, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Xây dựng thể chế liên kết vùng trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của từng địa phương; ưu tiên phát triển vùng kinh tế động lực, đồng thời, có chính sách hỗ trợ vùng còn nhiều khó khăn.

(3) Hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường, phát huy đầy đủ vai trò của cơ chế thị trường. Thực hiện nhất quán cơ chế giá trị trường, để quan hệ cung - cầu, cạnh tranh quyết định giá cả hàng hóa dịch vụ; giảm tối đa những giá cả hàng hóa do nhà nước quyết định; không lồng ghép các chính sách xã hội trong giá hàng hóa, dịch vụ. Xác định giá trị quyền sử dụng đất theo cơ chế thị trường thông qua đấu giá, đấu thầu công khai, minh bạch, công bằng. Thực

hiện bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong tiếp cận các nguồn lực công, mua sắm và đầu tư công.

Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ trong nước theo hướng văn minh, hiện đại, nhất là tại các đô thị và trung tâm thương mại; quản lý chặt chẽ việc thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh, an toàn thực phẩm và môi trường; sử dụng các hàng rào kỹ thuật bảo vệ hợp lý thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế. Phát triển đồng bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động các thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu, thị trường bảo hiểm, thị trường mua bán nợ, thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán, tư vấn thuế, thẩm định giá, áp dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ, các công cụ hiện đại vào lĩnh vực này để các giao dịch tài chính, tiền tệ thực hiện nhanh chóng, chính xác, an toàn, thị trường chứng khoán trở thành kênh huy động vốn quan trọng cho doanh nghiệp và nền kinh tế.

Đổi mới, phát triển thị trường khoa học - công nghệ. Tăng cường

đầu tư nhà nước cho khoa học - công nghệ; thực hiện cơ chế tự chủ, nâng cao chất lượng hoạt động của các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học; đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, tạo nhiều sản phẩm có chất lượng cao cho thị trường. Hoàn thiện thể chế tạo khung pháp luật cho các hoạt động mua bán, chuyển nhượng, ký kết hợp đồng giao dịch sản phẩm khoa học - công nghệ. Thành lập các tổ chức tư vấn pháp luật, đánh giá chất lượng, định giá các sản phẩm khoa học - công nghệ... để thúc đẩy các giao dịch trên thị trường. Phát triển và vận hành thông suốt thị trường bất động sản, phù hợp với quan hệ cung - cầu; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai, ngăn ngừa lãng phí, chống phá đầu cơ đẩy giá lên cao; bảo đảm thị trường quyền sử dụng đất hoạt động công khai, minh bạch, có trật tự. Phát triển đồng bộ, liên thông thị trường lao động; nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức dịch vụ tư vấn việc làm; tiếp tục hoàn thiện chính sách tiền lương, tiền công, bảo hiểm

xã hội, hoàn thiện các thiết chế hòa giải, trọng tài giải quyết tranh chấp lao động.

(4) Hoàn thiện thể chế đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế. rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống pháp luật và các cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu thực hiện các cam kết quốc tế. Nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã, xây dựng thương hiệu, nghiên cứu thị trường; quan tâm đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của các nước nhập khẩu về chất lượng sản phẩm; về vệ sinh an toàn thực phẩm; về xuất xứ hàng hóa, về quy trình sản xuất; về sử dụng lao động... để đẩy mạnh xuất khẩu, giảm thâm hụt thương mại, tiến tới xuất siêu. Nâng cao chất lượng thu hút đầu tư. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, chuyển giao công nghệ. Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế, tránh lệ thuộc vào một đối tác, một thị trường. Nâng cao tiềm lực của các doanh nghiệp trong nước, năng lực cạnh tranh quốc gia, năng lực phòng ngừa, giải quyết các tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế, phản

ứng nhanh nhạy trước các diễn biến bất lợi từ bên ngoài.

(5) Hoàn thiện thể chế kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển xã hội bền vững. Có chính sách khuyến khích đầu tư xã hội, tạo cơ hội để mọi người có việc làm, nâng cao thu nhập; chú trọng đào tạo nghề, phát triển các ngành nghề phi công nghiệp để giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Huy động các nguồn lực xây dựng, phát triển hệ thống bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh, hệ thống y tế dự phòng, nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; giảm chênh lệch trong tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân giữa các địa bàn, các nhóm đối tượng. Hoàn thiện thể chế xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh, nếp sống văn hóa văn minh; nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa trong các cộng đồng dân cư. Phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng, đa tầng; huy động sự tham gia của cộng đồng xã hội, trợ giúp có hiệu quả cho tầng lớp yếu thế, dễ bị tổn thương, những người gặp rủi ro trong cuộc sống. Tổ chức tốt hơn

việc cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản thiết yếu cho các đối tượng chính sách, người nghèo, nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Tập trung nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững; tích cực thực hiện “Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững” của Liên hợp quốc để mọi người dân được hưởng thành quả phát triển đất nước.

(6) Hoàn thiện thể chế để phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo để khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển nhanh, bền vững đất nước, nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo; đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả, chất lượng đào tạo theo hướng hiện đại; đẩy mạnh xã hội hóa, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm của các cơ sở giáo dục - đào tạo, trước hết đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo toàn diện. Tiếp tục đổi

mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học - công nghệ. Thực hiện cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học - công nghệ, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và có chính sách đãi ngộ xứng đáng với các tài năng. Ưu tiên tập trung nguồn lực quốc gia xây dựng các viện nghiên cứu, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của đất nước; đồng thời huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển khoa học - công nghệ. Định hướng nghiên cứu, tiếp thu khoa học công nghệ vào những lĩnh vực nền tảng của cuộc cách mạng lần thứ tư như công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin, Internet kết nối vạn vật, công nghệ in 3D, chế tạo Robot, công nghệ sinh học...; nâng cao trình độ khoa học công nghệ của các ngành kinh tế. Tăng cường liên kết giữa các tổ chức khoa học - công nghệ với doanh nghiệp; có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới công nghệ theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường.

(7) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường. Có các chính sách, các chế tài đủ mạnh để bảo vệ môi trường. Mọi dự án đầu tư đều phải có đánh giá tác động môi trường; ngăn chặn các dự án, công nghệ, máy móc, thiết bị gây tác hại môi trường, sử dụng các hóa chất độc hại. Tăng cường việc phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các nguồn gây ô nhiễm môi trường; xử lý nghiêm các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn và từng bước khắc phục sự xuống cấp của môi trường tự nhiên, bảo đảm chất lượng môi trường sống. Nâng cao trách nhiệm quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên của đất nước, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản, tài nguyên đất, nước, rừng, tài nguyên biển. Quản lý chặt chẽ việc khai thác khoáng sản; lựa chọn phương pháp khai thác ít gây tác hại tới môi trường. Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác; bảo vệ nguồn nước, các lưu vực sông; chủ động hợp tác với các nước, các tổ

chức quốc tế bảo vệ các nguồn nước xuyên quốc gia. Có chính sách quản lý sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả; ngăn chặn tình trạng đánh bắt mang tính hủy diệt, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là vùng gần bờ. Có cơ chế, chính sách thúc đẩy việc đổi mới công nghệ để sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, vật tư, nguyên liệu, giảm chất thải và mức phát thải khí nhà kính; thúc đẩy phát triển các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới ít gây ô nhiễm; phát triển các ngành, lĩnh vực, công nghệ sản xuất xanh, tiêu dùng xanh; đẩy mạnh việc trồng và bảo vệ rừng, tăng tỷ lệ che phủ và chất lượng rừng. Có cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch tập trung xử lý các điểm ô nhiễm môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, hạn chế tác động của nước biển dâng, bão, lũ lụt, hạn hán, sạt lở đất, xâm nhập mặn...

(8) Yếu tố then chốt, có ý nghĩa quyết định nhất đối với hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để phát triển nhanh, bền vững đất nước là nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách để thể chế hóa đường lối của Đảng; cơ cấu lại bộ máy nhà nước, đội ngũ cán bộ, công chức tinh gọn, tăng cường kỷ luật, kỷ cương thực thi pháp luật; nâng cao vai trò, chức năng Nhà nước kiến tạo, phát triển. Xây dựng Chính phủ điện tử, quản trị nhà nước thông minh. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội đối với việc hoàn thiện thể chế tạo môi trường cho sự phát triển nhanh, bền vững đất nước ■

¹ Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2001-2005 bình quân là 7,31%, giai đoạn 2006-2010 là 6,32%, giai đoạn 2011-2015 là 5,91%.

XÂY DỰNG THỂ CHẾ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

● GS, TS HOÀNG THẾ LIÊN

Nguyên Thứ trưởng thường trực Bộ Tư pháp

1. Kinh nghiệm thực tiễn của nhiều nước trên thế giới cho thấy, trình độ phát triển của một quốc gia có mối quan hệ mật thiết với chất lượng thể chế nhà nước, vì thể chế nhà nước đảm bảo an ninh, điều tiết hoạt động kinh tế - xã hội, thực thi nguyên tắc pháp quyền và bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tạo khả năng cho người dân thực hiện dân chủ, tham gia vào quá trình hoạch định chính sách của Nhà nước. Chất lượng thể chế nhà nước đặt ra yêu cầu cần phải có một bộ máy nhà nước gắn kết với nhau trên cơ sở quy định của pháp luật vì mục tiêu chung, có kỷ cương, kỷ luật và trọng dụng người tài; tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền và đảm bảo dân chủ, sự tham gia rộng rãi của người dân trong quá trình hoạch

định chính sách, giám sát quyền lực nhà nước và việc thực hiện chính sách nhà nước. Xét ở góc độ này, thì thể chế nhà nước ở nước ta phải đáp ứng một số yêu cầu cơ bản sau đây:

Thứ nhất, bằng cơ chế pháp lý bảo đảm quyền lực của nhân dân thực sự tối cao, chi phối và quyết định quyền lực nhà nước chứ không phải là ngược lại. Quyền lực nhà nước phải bị giới hạn một cách rõ ràng bằng pháp luật (chủ yếu là bằng Hiến pháp và luật) hay như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nói một cách hình ảnh hơn là phải tìm cách “nhốt” quyền lực nhà nước vào trong cái lồng pháp luật. Thượng tôn pháp luật phải được đảm bảo trong mọi hành vi ứng xử của nhà nước đối với xã hội và đối với thị trường. Bảo đảm mọi hành vi ứng xử của nhà nước, của các cơ

quan nhà nước, của các quan chức nhà nước đều được kiểm soát và có thể chịu sự tài phán của toàn án độc lập, không thiên vị. Không có vùng cấm trong xử lý các hành vi vi phạm. Cơ chế tài phán Hiến pháp được thiết lập và vận hành một cách hiệu quả. Độc lập trong hoạt động xét xử (độc lập tư pháp) được bảo đảm một cách đầy đủ và thực chất. Pháp luật vừa là công cụ để nhà nước quản lý xã hội, đồng thời là công cụ hữu hiệu để nhân dân trao quyền cho nhà nước và kiểm soát việc thực thi quyền lực nhà nước. Vì vậy, yêu cầu đặt ra ở đây là cần phải tạo dựng cho được cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên trong, giữa các cơ quan nhà nước với nhau nhằm (1) bảo đảm các chính sách của nhà nước và việc thực hiện chính sách được thảo luận và theo dõi sát sao hơn, làm cho chính sách phù hợp hơn và đáp ứng yêu cầu thực tiễn cao hơn; (2) nâng cao trách nhiệm giải trình đối với các hoạt động do các cơ quan nhà nước và công chức nhà nước tiến hành, chủ yếu là về mặt hành pháp, và từ đó khuyến khích đạt kết quả hoạt động tốt hơn; (3) làm giảm các cơ hội

hoặc sự tồn tại của các mối quan hệ đặc biệt giữa các chủ thể nhà nước với các chủ thể thị trường và xã hội nào đó để hình thành nên các nhóm lợi ích.

Thứ hai, Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước phải chuyên nghiệp hóa công tác hoạch định và thực thi chính sách, pháp luật phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường năng lực phân tích chính sách, đảm bảo trao đổi thông tin với các chủ thể bị tác động trong quá trình xây dựng chính sách. Cần đổi lại vai trò của Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước trong việc thực hiện ủy quyền lập pháp và xử lý vi phạm hành chính. Khắc phục được những mâu thuẫn, chồng chéo trong việc phân định thẩm quyền giữa các cơ quan hành chính nhà nước, giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương theo hướng tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có cơ cấu, năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp phù hợp, thiết lập được hệ thống công vụ theo vị trí việc làm,

chế độ công vụ thực tài, trên cơ sở thiết lập hệ thống thi tuyển cạnh tranh người tài trong các ngành, khu vực toàn xã hội vào các vị trí việc làm ở cả trung ương và địa phương.

Thứ ba, phải có giải pháp đủ mạnh để nâng tầm vị thế của Tòa án trong xã hội, tạo niềm tin của xã hội đối với tòa án; tư pháp hoá việc xử lý các vi phạm hành chính có mức phạt cao, trực tiếp liên quan đến quyền con người, quyền cơ bản của công dân, bảo đảm Tòa án đủ năng lực để xử lý hầu hết các vi phạm và tranh chấp trong xã hội một cách nhanh chóng, hiệu quả, đặc biệt là các tranh chấp dân sự, đầu tư, kinh doanh, thương mại, sở hữu trí tuệ. Bảo đảm tranh tụng dân chủ và sự độc lập của tòa án trong xét xử.

Thứ tư, trong mối quan hệ với kinh tế thị trường, Nhà nước cần tận tụy thực hiện tốt các chức năng vốn có trong một nền kinh tế thị trường hiện đại, không thực hiện những công việc mà người dân (khu vực tư nhân) có thể làm được (nhất là kinh doanh trong những ngành, lĩnh vực mà khu vực tư nhân đã đủ sức đảm nhận) đồng thời thực hiện các nhiệm

vụ phục vụ đắc lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể như sau:

Một là, ban hành pháp luật, duy trì trật tự công trên thị trường và trong xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội. Nhà nước xây dựng và thực thi có hiệu quả các quy tắc pháp lý về sở hữu, tự do hợp đồng, tự do kinh doanh, tự do lập hội, giải quyết tranh chấp để mọi người dân, doanh nghiệp thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh, tự do lập hội nhằm giải phóng mọi năng lực sản xuất, hình thành hệ thống thị trường đồng bộ. Nhà nước xây dựng và thực thi có hiệu quả các quy tắc pháp lý điều tiết các hoạt động kinh tế nhằm khắc phục những trục trặc, khuyết tật của cơ chế thị trường như kiểm soát độc quyền, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, khắc phục tình trạng thông tin bất cân xứng trên thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm, thị trường vốn tín dụng, bảo đảm an toàn lao động, duy trì quan hệ lao động lành mạnh. Nhà nước cần phải xây dựng được một hệ thống pháp luật đầy đủ, thiết lập hệ thống

tư pháp có tính độc lập cao, có đủ thẩm quyền và năng lực giải quyết và phân xử các dạng tranh chấp ngày càng phức tạp giữa các tổ chức, cá nhân trong xã hội (bao gồm cả giữa cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân).

Hai là, bảo đảm sự ổn định kinh tế vi mô: (i) thực hiện chính sách tiền tệ, (ii) kiểm soát lạm phát, (iii) đảm bảo cán cân thanh toán ổn định tỷ giá hối đoái, (iv) kiểm soát nợ công.

Ba là, tái phân phối, điều tiết thu nhập, tạo công bằng xã hội thông qua việc thiết lập và duy trì (1) mạng lưới an sinh xã hội; (2) chính sách thuế đáp ứng nhu cầu chi tiêu của nhà nước và (3) hệ thống thuế thu nhập cá nhân lũy tiến.

Bốn là, có trách nhiệm cung cấp hàng hóa, dịch vụ công. Phát triển nguồn vốn con người (thông qua việc bảo đảm duy trì hệ thống y tế, giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ có chất lượng cao, dễ tiếp cận đối với người dân). Quản lý rủi ro tổng thể đối với thảm họa thiên nhiên (nhất là trong bối cảnh Việt Nam bị tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu) và các thảm họa do con

người (các sự cố kỹ thuật v.v.). Xây dựng chế độ sở hữu tài sản đối với đất đai, tài nguyên, khoáng sản và các loại tài sản công theo hướng bảo đảm mọi mảnh đất, mọi tài nguyên, khoáng sản và tài sản công đều có chủ thể quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm cụ thể.

Thứ năm, trong mối quan hệ với xã hội, Nhà nước bảo đảm tiếng nói của người dân, của xã hội ngày càng mạnh mẽ và có trọng lượng trong công việc của Nhà nước. Muốn vậy, cần phải phát huy vai trò của các tổ chức xã hội đại diện cho người dân với tư cách là đối tác quan trọng của Nhà nước trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển. Nhà nước cần tạo khung pháp lý và đảm bảo không gian đầy đủ cho người dân thực hiện các quyền cơ bản, bao gồm quyền tiếp cận thông tin, quyền lập hội, quyền biểu tình và các quyền dân chủ trực tiếp khác, đồng thời, buộc cơ quan công quyền phải đảm bảo minh bạch, có trách nhiệm tạo điều kiện để công dân tương tác hiệu quả với Nhà nước.

2. Xét theo các yêu cầu nêu trên, thì thể chế nhà nước ta, bên cạnh những

thành tựu quan trọng đã đạt được, cũng còn một số bất cập sau đây:

Một là, bộ máy nhà nước ta khá công kênh, nhiều tầng nấc, phân công chưa rành mạch, phân quyền chưa đủ mạnh dẫn đến tình trạng thẩm quyền vừa bị phân mảnh, manh mún vừa có sự trùng giảm, chồng chéo. Trong khi đó, lại thiếu cơ chế kết nối để tạo nên sức mạnh chung và ở Chính phủ còn thiếu một thiết chế trung tâm đủ mạnh để bảo đảm sự nhất quán, thông suốt trong thực hiện chính sách; thiếu sự giám sát chặt chẽ, giám sát chủ yếu dừng lại ở giám sát tuân thủ (kết luận giám sát đúng quy trình đang là phổ biến), chưa giám sát kết quả thực hiện. Do đó, các hiện tượng trên bảo dưới không nghe, chính sách bị cản trở, bị bẻ ghi, bị biến dạng, vì lợi ích cục bộ, lợi ích nhánh, lợi ích cá nhân đang là một thực tế. Vì vậy, việc phải làm là tập trung cải cách làm giảm sự cát cứ, manh mún trong khu vực công, xóa bỏ tình trạng chồng chéo về thẩm quyền giữa các cơ quan (cả dọc và ngang) trong bộ máy nhà nước, phân công, phân cấp về quyền thật rõ ràng.

Hai là, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước còn lỏng lẻo dẫn đến tình trạng lạm dụng quyền lực công vì lợi ích tư gây bức xúc lớn trong xã hội. Hiến pháp năm 2013 của nước ta đã bổ sung yếu tố kiểm soát quyền lực nhà nước vào nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước (khoản 3, Điều 2). Sự bổ sung này làm cho nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta đầy đủ, toàn diện hơn, sát với yêu cầu của nhà nước pháp quyền, bảo đảm cho các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp thực thi có hiệu lực, hiệu quả chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Hiến pháp và pháp luật, góp phần giữ vững quyền lực nhà nước trong tay nhân dân, tránh được lợi dụng, lạm dụng quyền lực, phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Yêu cầu đặt ra ở đây là khẩn trương xây dựng cho được một cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước đủ mạnh, có thể đồng thời kiểm soát quyền lực nhà nước từ ba phía: (1) kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước với nhau (cơ chế kiểm soát từ bên trong); (2) kiểm soát quyền lực từ phía nhân dân với tư cách là chủ thể

quyền lực nhà nước thông qua việc bảo đảm thực hiện các quyền dân chủ trực tiếp và đề cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội; (3) kiểm soát quyền lực thông qua việc tăng cường năng lực của các thiết chế kiểm soát chuyên nghiệp. Tuy nhiên, cho đến nay một cơ chế như vậy vẫn còn trong tình trạng chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ và vì vậy chưa đạt được kết quả kiểm soát quyền lực nhà nước như mong đợi.

Ba là, thực thi pháp luật chưa nghiêm. Bảo đảm tuân thủ pháp luật vẫn là khâu hạn chế lớn nhất ở nước ta hiện nay do thiếu cơ chế bảo đảm thi hành pháp luật một cách hiệu quả. Kỷ cương, kỷ luật trong thi hành công vụ còn rất lỏng lẻo, dẫn đến tình trạng coi thường kỷ cương, pháp luật đang ở mức báo động. Thượng tôn pháp luật chưa trở thành thói quen thường trực của đội ngũ cán bộ, công chức và của tổ chức, cá nhân trong xã hội.

Bốn là, tình trạng ô nhiễm về chức năng của nhà nước thể hiện rõ ở sự hiện diện trực tiếp của nhà nước trong sản xuất, kinh doanh ở quá nhiều lĩnh vực của nền kinh tế¹.

Chức năng quản lý nhà nước và chức năng kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước vẫn còn nhiều điểm chưa được phân định rõ. Chức năng kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước và chức năng thực hiện các nhiệm vụ công ích, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh chưa được phân định rành mạch². Bộ máy và cách thức thực hiện quyền chủ sở hữu chưa chuyên nghiệp, hiệu quả chưa cao, tính chịu trách nhiệm thấp. Việc triển khai thực hiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước còn nhiều lúng túng, nhiều nơi còn tồn tại hiện tượng lẫn sân từ quản lý nhà nước sang quản lý của chủ sở hữu và ngược lại. Cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước còn mang tính hình thức, chưa hiệu quả.

Việc Nhà nước trực tiếp tham gia vào hoạt động kinh tế, tuy đã giảm đáng kể nhưng vẫn còn nhiều đến mức các chuyên gia của Ngân hàng thế giới gọi là nhà nước bị thương mại hóa, thông qua doanh nghiệp nhà nước, thông qua doanh nghiệp tư nhân có mối quan hệ thân hữu

với quan chức nhà nước, thông qua việc phân bổ một số nguồn lực quan trọng bằng quyết định hành chính. Vì vậy, trên thực tế, Nhà nước ta vừa là nhà quản lý, vừa là nhà sản xuất, công tư không được phân biệt rõ ràng tạo dư địa cho tiêu cực, tham nhũng làm méo mó cơ chế thị trường. Nếu không thúc đẩy mạnh mẽ việc giải quyết vấn đề này thì đây là lực cản lớn cho sự phát triển.

Năm là, Nhà nước ta chưa chú trọng đúng mức đến việc xây dựng một hệ thống hành chính dựa trên nguyên tắc chức nghiệp thực tài. Đây là yếu tố cơ bản thể hiện năng lực đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của nhà nước. Việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá công chức chưa thực sự theo nguyên tắc chức nghiệp thực tài mà vẫn còn dựa trên quan hệ thân hữu, dòng tộc, thậm chí quan hệ tư lợi (tham nhũng, tiêu cực) thay vì dựa trên năng lực của cán bộ. Kinh nghiệm của một số nước cho thấy, không có gì hủy hoại năng lực bộ máy hành chính bằng hình thức tuyển dụng, sử dụng, đề bạt cán bộ dựa trên quan hệ thân hữu, đĩ dưu

và hối lộ. Cuộc điều tra chỉ số năng lực hành chính công gần đây phát hiện rằng, có đến 60% người được điều tra cho biết, phải hối lộ thì mới được tuyển vào làm việc trong bộ máy nhà nước³. Một cuộc điều tra khác cho thấy, quan hệ cá nhân là yếu tố đảm bảo thành công hàng đầu, sau đó là lợi ích vật chất⁴. Các thảo luận gần đây trên báo chí về sự xuất hiện hiện tượng “con ông cháu cha” trong việc bổ nhiệm vào các chức vụ cao trong bộ máy nhà nước đang làm dấy lên quan ngại về chất lượng cán bộ trong bộ máy nhà nước. Bộ máy nhà nước với chất lượng cán bộ như vậy thì thực hiện cho được các chức năng truyền thống của Nhà nước cũng đã chật vật lắm rồi, làm sao đủ năng lực để phát huy vai trò kiến tạo phát triển. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là phải thiết lập một cơ chế để người giỏi nhất được tuyển chọn sử dụng và đề bạt, đảm bảo mức độ liêm chính cao hơn trong nền công vụ bằng việc sắp xếp công việc theo vị trí việc làm, cải cách tiền lương và cải cách về tổ chức đánh giá cán bộ dựa vào thành tích công tác.

Sáu là, trách nhiệm giải trình của Nhà nước trước dân còn hình thức, chưa thực chất do:

- Quy định về trách nhiệm của Nhà nước, từng cơ quan nhà nước và cán bộ nhà nước chưa cụ thể, rõ ràng đến mức nhân dân có thể kiểm đếm được trách nhiệm đó.

- Tính minh bạch về trách nhiệm chưa cao, đang cản trở người dân trong việc truy cứu trách nhiệm của nhà nước, của công chức.

- Các tổ chức xã hội ở nước ta được phát triển mạnh về số lượng nhưng năng lực vẫn còn nhiều hạn chế, tác động còn rất hạn chế đến việc hoạch định chính sách công và truy cứu trách nhiệm của cơ quan nhà nước.

- Các cơ quan có trách nhiệm giám sát, thanh tra, kiểm tra chưa đủ mạnh, chủ yếu là giám sát, thanh tra, kiểm tra tuân thủ, chưa thực hiện tốt việc giám sát kết quả thực hiện.

- Trách nhiệm tập thể, trách nhiệm cá nhân chưa được phân biệt rõ ràng dẫn đến tình trạng trách nhiệm tập thể trở thành nơi ẩn náu, trà trộn của trách nhiệm cá nhân, gây nhiều khó khăn cho việc truy cứu trách nhiệm

cá nhân. Thêm vào đó, cũng còn lẫn lộn giữa trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm chính trị, hầu như chưa có cơ chế truy cứu trách nhiệm chính trị.

Vì vậy, để cao trách nhiệm giải trình của Nhà nước trước dân cần được đẩy mạnh, coi đây là yếu tố quan trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả của thể chế nhà nước.

4. Để khắc phục được những bất cập nêu trên và đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới, thể chế nhà nước cần được đổi mới và hoàn thiện một cách mạnh mẽ trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các cuộc cải cách lập pháp theo tinh thần của Nghị quyết số 48 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng pháp luật; cải cách hành chính theo chương trình tổng thể cải cách hành chính từ 2010-2020 của Chính phủ và cải cách tư pháp theo tinh thần của Nghị quyết số 49 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp. Nhiệm vụ trọng tâm và bao trùm trong thời gian tới là tập trung xây dựng nhà nước ta thực sự được tổ chức và vận hành theo nguyên tắc pháp quyền. Làm thế nào để nhà nước ta thể hiện một cách mạnh hơn

nữa trên thực tế bản chất dân chủ, tính ưu việt của mình, theo đó chủ quyền nhân dân được bảo đảm, quyền con người với tư cách là quyền tự nhiên vốn có của con người, quyền công dân được tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm từ chính Nhà nước; tinh thần thượng tôn pháp luật, trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm phục vụ của nhà nước trước nhân dân được đề cao và được hiện thực hoá trong đời sống xã hội. Pháp luật cũng phải thực sự của nhân dân, vì nhân dân, được xây dựng bằng dân chủ với nội dung minh bạch, rõ ràng và có tính thân thiện để mọi người trong xã hội dễ tiếp cận, dễ thực hiện. Pháp luật phải thực sự là môi trường an toàn, lành mạnh, đủ rộng về không gian pháp lý để người dân làm ăn và sinh sống. Pháp luật là cơ sở để tổ chức, thực hiện quyền lực nhà nước, được các cơ quan nhà nước nghiêm chỉnh chấp hành, áp dụng công bằng, nhất quán và không thiên vị (tinh thần này đã được thể hiện rõ ràng tại Điều 8, Hiến pháp 2013 của nước ta). Làm thế nào để thể chế nhà nước khắc phục được tình trạng làm ăn trái pháp luật, tham nhũng, tiêu cực đang

là quốc nạn, đấu tranh tiến tới xóa bỏ được những thói xấu như cục bộ, cửa quyền, cát cứ, lãng phí của công, lạm dụng của công... Những hiện tượng này đang cản trở hiệu lực của chính thể chế nhà nước.

Theo tinh thần đó, xin nêu một số kiến nghị cụ thể như sau:

Thứ nhất, thể chế lập pháp cần được đổi mới theo hướng: (1) Quốc hội hoạt động chuyên trách; nâng cao chất lượng đại biểu trên cơ sở đổi mới chế độ bầu cử theo hướng thiết kế lại bản đồ bầu cử, theo đó mỗi một khu vực bầu cử chỉ bầu một đại biểu, khuyến khích ứng cử, bảo đảm tính cạnh tranh cao và thực chất trong bầu cử; thiết lập Văn phòng đại biểu tại khu vực bầu cử để phục vụ hoạt động của đại biểu, gắn đại biểu với cử tri ở khu vực bầu cử; (2) hạn chế tiến tới bỏ việc uỷ quyền lập pháp cho Ủy ban thường vụ Quốc hội và cho Chính phủ để bảo đảm quyền lập pháp chỉ thuộc về Quốc hội (tiến tới bỏ thẩm quyền ban hành pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội và bỏ thẩm quyền ban hành nghị định độc lập của Chính phủ); (3) xây dựng cơ chế bảo hiến

để kiểm soát hoạt động lập pháp của Quốc hội.

Thứ hai, thể chế hành pháp cần được đổi mới theo hướng: (1) giao đủ thẩm quyền, cơ cấu lại bộ máy tổ chức của Chính phủ nhằm bảo đảm để Chính phủ phát huy tốt nhất trách nhiệm là cơ quan thực hiện quyền hành pháp, có quyền chủ động khởi xướng và hoạch định chính sách, thực hiện chức năng quản lý và điều hành vĩ mô, tổ chức và bảo đảm việc thi hành pháp luật trên phạm vi toàn quốc; (2) với trách nhiệm bảo đảm thi hành pháp luật trên phạm vi toàn quốc, Chính phủ rất cần được giao quyền công tố để nhân danh quyền lực công yêu cầu toà án xét xử mọi hành vi vi phạm pháp luật và thực hiện nguyên tắc công tố trực tiếp chỉ đạo điều tra góp phần khắc phục tình trạng cắt khúc trong tố tụng hình sự; (3) chuyển nhiệm vụ quản lý hành chính, tổ chức, nhận sự, tài chính của toà án sang cho Chính phủ nhằm bảo đảm nguyên tắc độc lập trong xét xử của toà án; (4) cho phép Chính phủ được bảo vệ tới cùng trước Quốc hội đối với dự án luật mà Chính phủ trình; (5) quy định Chủ tịch nước có

quyền yêu cầu Quốc hội xem xét lại dự án luật đã được thông qua trước khi công bố trên cơ sở đề nghị của Chính phủ (Hiến pháp năm 1946 đã có quy định này, hiện nay theo Hiến pháp năm 2013 thì Chủ tịch nước chỉ có quyền yêu cầu Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại dự án pháp lệnh trước khi công bố).

Thứ ba, thể chế tư pháp cần được tiếp tục đổi mới theo hướng: (1) xác định tư pháp là xét xử, từ đó khẳng định cơ quan tư pháp là toà án; (2) bỏ chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của viện kiểm sát (chuyển viện kiểm sát thành viện công tố thuộc Chính phủ); (3) Tòa án phải được giao đủ thẩm quyền và tăng cường năng lực để đủ khả năng xem xét, giải quyết hầu hết các tranh chấp xảy ra trong xã hội; (4) giao cho toà án thẩm quyền giải quyết khiếu kiện của cá nhân, tổ chức đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước từ cấp Chính phủ trở xuống nếu những văn bản đó xâm phạm tới lợi ích của cá nhân, tổ chức; (5) cơ quan điều tra cần được tổ chức thành một hệ thống riêng và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của cơ quan công tố,

đảm bảo và mở rộng dân chủ trong tranh tụng.

Thứ tư, thể chế về chính quyền địa phương cần được đổi mới theo hướng: (1) giảm mạnh cấp chính quyền địa phương (Chính quyền địa phương ở nông thôn nên chỉ 2 cấp, chính quyền địa phương ở đô thị nên là một cấp thống nhất); (2) thực hiện sự phân quyền mạnh mẽ cho chính quyền địa phương nhằm bảo

đảm tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương đi đôi với việc tăng cường sự kiểm soát của cơ quan nhà nước cấp trên; (3) xác định uỷ ban nhân dân vừa là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, vừa là cơ quan thường trực của hội đồng nhân dân cùng cấp nhằm bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ hơn nữa giữa HĐND và UBND trên địa bàn ■

¹ Nhiều lĩnh vực khu vực kinh tế tư nhân hoàn toàn có thể đảm nhiệm như dệt may, giày da, xây dựng dân dụng, xây dựng thương mại, một số lĩnh vực khai khoáng v.v. tuy nhiên sự hiện diện của doanh nghiệp nhà nước ở các lĩnh vực này vẫn rất lớn.

² Ví dụ: DNNN ngành bưu chính viễn thông phải duy trì và đảm bảo cung cấp các dịch vụ bưu chính công ích, điện thoại cố định vùng xa; đảm bảo thông tin liên lạc cho quốc phòng, an ninh khi được yêu cầu. Mạng lưới điện quốc gia do Tập đoàn điện lực (EVN) quản lý phải phủ sóng tới các thôn, bản ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo. Tập đoàn dầu khí thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội với trị giá hàng trăm tỷ đồng/năm.

³ Nguồn: Chỉ số hành chính quản trị công 2001-2014.

⁴ Nguồn: Ngân hàng thế giới và thanh tra Chính phủ, kiểm soát, xung đột lợi ích trong khu vực công.



VĨNH PHÚC VỚI VIỆC XÂY DỰNG THỂ CHẾ ĐẢM BẢO CHO SỰ PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG

● HOÀNG THỊ THÚY LAN

Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc

Tỉnh Vĩnh Phúc được tái lập từ tháng 01/1997, hiện có 9 đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó, gồm 2 thành phố là Vĩnh Yên, Phúc Yên và 7 huyện; với tổng diện tích tự nhiên khoảng 1.271km², có cả vùng đồng bằng, trung du và miền núi; dân số hơn 1 triệu người. Là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm bắc bộ, vùng thủ đô Hà Nội.

Vĩnh Phúc được biết tới là nơi khởi nguồn của đổi mới tư duy quản lý trong nông nghiệp, với phương thức “khoán hộ” từ những năm 60 của thế kỷ XX. Nghị quyết của Tỉnh ủy được ban hành khi đó mang tính

đột phá và táo bạo, là một trong các tiền đề về cơ sở thực tiễn và lý luận cho Đảng ta ban hành các chỉ thị, nghị quyết đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân sau này.

Thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đổi mới kinh tế và hội nhập quốc tế, với tinh thần chủ động, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tiễn của tỉnh, để ra các chủ trương, cơ chế chính sách toàn diện trên mọi lĩnh vực tạo tiền đề và đảm bảo cho sự phát triển nhanh, bền vững.

Khi tỉnh mới được tái lập, điều kiện kinh tế, kết cấu hạ tầng và đời sống của người dân gặp rất nhiều khó khăn. Từ thực tiễn đó, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII (tháng 11/1997) ngay sau tái lập tỉnh đã xác định: “Tập trung mọi nguồn lực tạo điều kiện khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn. Hướng chủ yếu là phát triển công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và công nghiệp ngoài quốc doanh”. Từ đó tới nay, qua các kỳ đại hội, tỉnh Vĩnh Phúc nhất quán quan điểm: Lấy phát triển công nghiệp làm nền tảng, tạo

nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống nông dân; phát triển dịch vụ, phấn đấu phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020 đã xác định: “Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng Vĩnh Phúc trở thành một trong những trung tâm công nghiệp, du lịch của Vùng và cả nước. Phấn đấu đến năm 2020, cơ bản hoàn thành hạ tầng khung đô thị tiến tới trở thành thành phố Vĩnh Phúc vào những năm 20 của thế kỷ XXI.”



Sau hơn 20 năm kể từ khi tái lập đến nay, tỉnh Vĩnh Phúc đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, thậm chí trên nhiều phương diện được xem là vượt trội đi đầu trong cả nước:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh qua các giai đoạn luôn đạt ở mức cao, bình quân giai đoạn (1997-2016) đạt 15,3%, đặc biệt có năm đạt trên 20%, cao hơn gấp 2,4 lần so với mức tăng trưởng bình quân chung cả nước cùng giai đoạn.

- Tổng sản phẩm GRDP bình quân đầu người của Vĩnh Phúc, năm 2017 đạt 79,4 triệu đồng/người, ước năm 2018 đạt 84 triệu đồng/người (thuộc nhóm đầu cả nước). Đặc biệt quy mô nền kinh tế Vĩnh Phúc khi tái lập tỉnh chỉ chiếm khoảng 0,7% GDP của cả nước thì sau 20 năm đã tăng lên chiếm 1,8% GDP của cả nước.

- Thu ngân sách khi tái lập tỉnh chưa đầy 100 tỷ đồng, nay là một trong các tỉnh có số thu ngân sách cao của cả nước, hiện đạt xấp xỉ 30.000 tỷ đồng/năm, luôn đứng thứ 2 miền Bắc về thu nội địa. Hiện nay,

Vĩnh Phúc là một trong 16 tỉnh, thành phố có đóng góp ngân sách Trung ương cho ngân sách Trung ương hàng năm với tỷ lệ đóng góp lên đến 50% nguồn thu phân chia (*cao thứ 2 khu vực phía Bắc chỉ sau Hà Nội*). Vĩnh Phúc trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhiều công ty lớn đầu tư, hoạt động tại Vĩnh Phúc như: Toyota, Honda, Piaggio... Hiện tại, Vĩnh Phúc được xem là một trong những cực tăng trưởng công nghiệp quan trọng của cả nước, đặc biệt đối với Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ.

Những thành quả phát triển trên đây là sự kết tinh của các nỗ lực và sự đóng góp của mỗi người dân Vĩnh Phúc trong nhiều thế hệ, đặc biệt vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức của tỉnh trong nhiều nhiệm kỳ. Song, quan trọng hơn là từ đội ngũ ấy, nhiều thể chế quan trọng đã được xây dựng và ban hành, trong đó, thể chế lãnh đạo của Tỉnh ủy, thể chế quản lý của chính quyền tỉnh đã cơ bản đảm bảo kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước, của doanh nghiệp, của nhân dân, phù hợp với thực tiễn địa phương,

tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điểm sáng của cả nước về thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, nhìn nhận khách quan cho thấy động lực tăng trưởng của Vĩnh Phúc có dấu hiệu chậm lại trong gần thập niên qua. Vĩnh Phúc dù vẫn là hạt nhân tăng trưởng của cả nước song nhiều yếu tố thiếu bền vững bắt đầu nảy sinh, một số tỉnh khác dần thu hẹp khoảng cách phát triển với Vĩnh Phúc. Trước những thách thức đó từ đầu nhiệm kỳ này, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã nhận thức rằng, nền kinh tế không thể tiếp tục vận hành theo quán tính cũ vì quán tính đó đã không còn nữa. Nền kinh tế của tỉnh cần một động lực mới để tăng trưởng và để tiếp tục đóng vai trò tích cực dẫn dắt nền kinh tế của khu vực.

Hơn nữa, trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt, Vĩnh Phúc ý thức rằng những cải cách của Việt Nam nếu chậm sẽ dẫn đến bị tụt hậu trong cuộc chơi toàn cầu, nhất là khi thế giới bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Thế nhưng, sức cạnh tranh của

nền kinh tế không thể chỉ trông chờ vào những cải cách từ Chính phủ, từ các bộ, ngành trung ương, mà phải từ chính các địa phương, phải chủ động, sáng tạo, cải cách chính mình trước. Cũng với ý nghĩa đó, các nghị quyết mang tính cải cách của Đảng như: Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 18 của Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập... chỉ có thể thực hiện thành công khi các địa phương ý thức được trách nhiệm của mình, phải cụ thể hóa được thành hành động và tạo ra kết quả cụ thể.

Phát huy truyền thống đi tiên phong trong nhiều cải cách, Vĩnh Phúc đã mạnh dạn lựa chọn một trong những cải cách khó khăn nhất, phức tạp nhất, cam go nhất của chúng ta hiện nay đó chính là cải

cách thể chế và quản trị nhà nước, trong đó cải cách tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có thể xem là một nội dung trọng tâm, mục tiêu cuối cùng là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, là đổi mới tư duy, tạo ra động lực mới cho sự phát triển. Bởi vì: “Đổi mới gì cũng có thể bắt đầu, nhưng nếu không đổi mới tư duy con người thì khó có thể thành công”. Gọi đó là lựa chọn gai góc vì nó động chạm đến vấn đề con người, đến quyền lợi của nhiều đối tượng với nhiều nhạy cảm, phức tạp, cùng với sự phản ứng nhiều chiều của nhiều nhóm lợi ích.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành rất sớm Đề án số 01- ĐA/TU, ngày 30/11/2016 về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2021. Bằng quyết tâm chính trị rất lớn, được sự ủng hộ của người dân, sự đồng thuận xã hội, tỉnh đã thực hiện nhiều biện pháp mạnh mẽ, dứt khoát nhưng thận trọng, dân chủ, khách quan, nhất là ban hành các cơ chế, chính sách đặc

thù của tỉnh (đây là điểm nổi trội, đi đầu cả nước) nhằm hỗ trợ, khuyến khích cho việc tinh giản biên chế, sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo hướng tinh, gọn và hoạt động hiệu lực, hiệu quả, bước đầu mang lại nhiều kết quả tích cực.

Sau 2 năm thực hiện, đến nay toàn tỉnh đã giảm được 176 đầu mối cấp phòng và tương đương trực thuộc các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp tỉnh, cấp huyện; 39 đơn vị tự chủ toàn bộ chi thường xuyên, 176 đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần; sắp xếp lại 21 hội mang tính chất đặc thù. Riêng khối chính quyền: giảm 102 đầu mối trong đó có 50 phòng ban và tương đương trực thuộc các sở, ban, ngành, UBND huyện; 52 đơn vị sự nghiệp công lập; sáp nhập các trường trung cấp, cao đẳng có quy mô nhỏ, địa điểm gần nhau, nhiệm vụ tương đồng; giảm 55 lớp học thuộc các khối phổ thông. Tinh giản 1.529/2.363 biên chế (đạt 64,7% so với chỉ tiêu 10% đến 2021) và trên 10.700 người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố được Trung ương đánh giá cao trong triển khai thực hiện về sắp

xếp tổ chức bộ máy. Đặc biệt, một số mô hình tổ chức được tỉnh triển khai làm trước khi có hướng dẫn của Trung ương.

Kết quả mang lại không đơn thuần chỉ là số lượng biên chế giảm đi mà quan trọng hơn là hoàn thiện được bộ máy tổ chức. Kết quả đó đã góp phần chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; thông qua việc cơ cấu lại biên chế tỉnh đã chủ động giải quyết chính sách, loại dần những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện về chuyên môn, về đạo đức, lối sống ra khỏi bộ máy. Đồng thời cũng tuyển chọn và động viên, giữ được những cán bộ tâm huyết, trách nhiệm, có chuyên môn phù hợp với yêu cầu và vị trí công tác.

Cải cách dù ở thời kỳ nào cũng gặp những khó khăn và thách thức của nó, nhưng đối với Vĩnh Phúc – một tỉnh vốn đã ở giai đoạn tăng trưởng cao so với cả nước, với quy luật lợi ích biên giảm dần, việc tạo ra thêm một động lực tăng trưởng mới sẽ khó khăn hơn nhiều so với khi còn ở giai đoạn tăng trưởng thấp. Sự chậm chễ trong cải cách sẽ khiến cho Vĩnh

Phúc mất dần đi các lợi thế, bỏ lỡ các cơ hội và bị tụt hậu so với các địa phương khác. Đội ngũ lãnh đạo tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết tâm lựa chọn những vấn đề khó, những nút thắt để cải cách. Trong đó, xem xét việc cải cách bộ máy, quản trị nhà nước, làm cho bộ máy đó thật sự tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả chính là điều kiện đảm bảo cho việc xây dựng thể chế phát triển nhanh, bền vững được ưu tiên hàng đầu. Kết quả đạt được hôm nay còn là tiền đề cho những đồng thuận với những cải cách phức tạp hơn mà Vĩnh Phúc sẽ tiến hành trong thời gian tới.

Hội thảo quốc gia về: *“Thể chế phát triển nhanh - bền vững: Kinh nghiệm quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong giai đoạn mới”* được tổ chức tại tỉnh Vĩnh Phúc, đây là một cơ hội quý báu để học hỏi, tham vấn ý kiến, kinh nghiệm của các nhà quản lý, các nhà khoa học và các chuyên gia trong việc xây dựng và thực hiện thể chế lãnh đạo, quản lý, nhằm từng bước hoàn thiện thể chế, tạo ra những cơ chế, chính sách sáng tạo, đột phá nhằm tạo sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh ■

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA: “THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN NHANH - BỀN VỮNG: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI”



Sáng 28-9, tại thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Hội đồng Lý luận Trung ương, Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Tổ Tư vấn kinh tế của Thủ tướng Chính phủ và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, đã phối hợp tổ chức hội thảo khoa học quốc gia: “Thể chế phát triển nhanh - bền vững: Kinh nghiệm quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong giai

đoạn mới”. Đây là hoạt động khoa học trong khuôn khổ Chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước “Nghiên cứu lý luận chính trị giai đoạn 2016-2020” (Mã số KX.04/16-20), thực hiện nhiệm vụ tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn phục vụ cho việc xây dựng Dự thảo Văn kiện của Đại hội XIII của Đảng.

Tham dự hội thảo có đông đảo các nhà khoa học, nhà quản lý đến từ

hiều cơ quan khoa học, quản lý của cả nước. GS,TS Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương; GS.TS Tạ Ngọc Tấn, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương; đồng chí Hoàng Thị Thúy Lan, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc đồng chủ trì hội thảo.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, GS.TS Tạ Ngọc Tấn nhấn mạnh: Như chúng ta đã biết, ngày nay, phát triển nhanh - bền vững trở thành nhu cầu bức thiết của nhiều quốc gia trên thế giới, nhất là đối với các nước đang phát triển, để không bị tụt hậu xa hơn so với các nước tiên tiến. Đối với Việt Nam, sau hơn 30 năm đổi mới, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Về mặt thể chế, chúng ta đã từng bước đổi mới và hoàn thiện thể chế kinh tế, thể chế chính trị và thể chế xã hội... Nhưng về cơ bản đó là thể chế phát triển theo chiều rộng, đến nay động lực phát triển theo chiều rộng đã suy giảm mạnh. Đất nước đã bước vào giai đoạn phát triển theo chiều sâu, nhiều nội dung của thể chế phát triển theo chiều rộng đã không còn phù hợp, trở

thành lực cản đối với sự phát triển. Hơn nữa, bối cảnh quốc tế đang thay đổi nhanh chóng và phức tạp; các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đang có những bước phát triển mới, mang tính đột phá, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang tăng tốc... tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặt ra những cơ hội lớn và những thách thức không nhỏ đối với sự phát triển của nước ta.

Để đất nước không bị tụt hậu xa hơn, không rơi vào “bẫy thu nhập trung bình”, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững, nâng cao được năng lực cạnh tranh, nâng cao thể và lực của đất nước, đòi hỏi chúng ta phải đẩy mạnh đổi mới và hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển đất nước. Vì vậy, vấn đề xây dựng thể chế phát triển nhanh - bền vững là cấp thiết đối với Việt Nam trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, hiện nay, cả nhận thức lý luận cũng như thực tiễn cho thấy còn những ý kiến khác nhau, còn nhiều vấn đề cần được tiếp tục làm rõ về thể chế phát triển nhanh - bền vững, về sự đồng bộ giữa đổi mới thể chế chính trị với thể chế kinh tế và thể chế xã hội, thể chế văn hóa, cũng như

những nội dung cần đổi mới và hoàn thiện trong mỗi thể chế thành phần.

Phát biểu tại hội thảo, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc Hoàng Thị Thuý Lan cho biết: Vĩnh Phúc đã mạnh dạn lựa chọn một trong những cải cách khó khăn nhất, phức tạp nhất, cam go nhất hiện nay đó chính là cải cách thể chế và quản trị nhà nước, trong đó tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có thể xem là một nội dung trọng tâm, mục tiêu cuối cùng là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, là đổi mới cho sự phát triển...

Sau phát biểu của Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc Hoàng Thị Thuý Lan và báo cáo đề dẫn PGS.TS Trần Quốc Toàn, các tham luận và ý kiến phát biểu tại Hội thảo đã tập trung làm rõ hơn một số vấn đề chủ yếu sau:

- Làm rõ hơn khái niệm, nội dung, bản chất, cấu trúc và vai trò của thể chế phát triển, thể chế phát triển nhanh - bền vững. Làm rõ hơn vai trò của thể chế và mối quan hệ giữa thể chế chính trị với thể chế kinh tế, thể chế xã hội, thể chế văn hóa trong quá trình phát triển.

- Nêu lên những kinh nghiệm (thành công, không thành công)

trong xây dựng và thực thi thể chế phát triển của một số nước trên thế giới, rút ra những gợi ý hữu ích đối với Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá những hạn chế, bất cập, những “điểm nghẽn” trong thể chế phát triển hiện nay; chỉ rõ những nguyên nhân.

- Nêu lên những yêu cầu, nội dung, định hướng giải pháp tiếp tục đổi mới và xây dựng thể chế tổng thể phát triển nhanh - bền vững đất nước nói chung và cụ thể đối với các thể chế thành phần: thể chế chính trị, thể chế kinh tế, thể chế xã hội, thể chế văn hóa trong giai đoạn mới.

Kết luận Hội thảo, GS.TS Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương đánh giá cao kết quả của Hội thảo; đề nghị nhóm nghiên cứu tiếp thu đầy đủ ý kiến phát biểu và các tham luận gửi tới Hội thảo để hoàn thiện các luận cứ lý luận khoa học và thực tiễn về xây dựng thể chế phát triển nhanh - bền vững; hoàn thiện các đề xuất, kiến nghị liên quan, để góp phần thiết thực vào phục vụ cho việc xây dựng dự thảo các văn kiện Đại hội XIII của Đảng ■

KHẢO SÁT THỰC TẾ, TỌA ĐÀM KHOA HỌC TẠI THÁI BÌNH



Trong khuôn khổ kế hoạch đợt khảo sát, nghiên cứu thực tế tại tỉnh Thái Bình, phục vụ cho nhiệm vụ “Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011”, ngày 10-10-2018, tại thành phố Thái Bình, Hội đồng Lý luận Trung ương - Ban Chỉ đạo Tổng kết đã phối hợp với Tỉnh ủy Thái Bình tổ chức Tọa đàm khoa học: “Tổng kết một số vấn đề lý luận, thực tiễn qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước

trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011”. GS, TS Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tổng kết, Trưởng Nhóm Chính trị và xây dựng Đảng; GS, TS Tạ Ngọc Tấn, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên Ban Chỉ đạo Tổng kết; TS Nguyễn Hồng Diên, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình, Chủ tịch HỖND tỉnh đồng chủ trì Tọa đàm.

Dự tọa đàm có các đồng chí Ngô Đông Hải, Ủy viên dự khuyết Trung

ương Đảng, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy; Đặng Trọng Thăng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh; các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đại biểu các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; thành viên Đoàn nghiên cứu, khảo sát của Hội đồng Lý luận Trung ương.

Sau Báo cáo tóm tắt tổng kết 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011 của Tỉnh ủy Thái Bình, các đại biểu tập trung thảo luận sâu các nội dung: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và thực hành dân chủ ở địa phương; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở địa phương; hoạt động cầm quyền của Đảng ở địa phương; xây dựng và phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc; vận dụng mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị trong quá trình phát triển ở Thái Bình...

Một số vấn đề liên quan ở Thái Bình như: Kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới; chủ trương dân bầu một số chức danh lãnh đạo cấp xã;

kinh nghiệm xây dựng các mô hình tự quản; sáng kiến của địa phương về bồi dưỡng, phát triển Đảng trong thế hệ trẻ; thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh trong những năm tới...cũng được các đại biểu quan tâm trao đổi.

Phát biểu tổng kết Tọa đàm, Giáo sư, Tiến sĩ Phùng Hữu Phú, đánh giá cao những thành tựu tỉnh Thái Bình đạt được từ sau khi thực hiện các cương lĩnh; đồng thời khẳng định: Nhưng năm vừa rồi, Thái Bình đã đứng dậy và đi lên một cách vững chắc từ chính kinh nghiệm “vấp ngã” của mình. Chìa khóa thành công của Thái Bình hôm nay chính nhờ sự phát huy dân chủ, sáng tạo và đoàn kết. Trên cơ sở tin dân, dựa chắc vào dân, thực hiện công khai, dân chủ và minh bạch, phát huy tinh thần “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, lấy dân chủ là “điểm tựa” để phát triển kinh tế - xã hội, Thái Bình đã khai thác được nguồn lực mạnh mẽ từ trong dân, để lại dấu ấn tốt đẹp trong phong trào xây dựng nông thôn mới. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy các cấp trong tỉnh bảo đảm theo đúng nguyên tắc của Đảng, kiên định và vận dụng

sáng tạo vào điều kiện, tình hình thực tế của địa phương; phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất, thường xuyên chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, góp phần vận hành cơ chế lãnh đạo của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở một cách nhịp nhàng, đồng bộ. Những yếu tố căn bản đó đã giúp Thái Bình có những bước tiến vượt bậc, trở thành hình mẫu của cả nước trong xây dựng nông thôn mới.

Thay mặt Tỉnh ủy, Tiến sĩ Nguyễn Hồng Diên, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, đánh giá, việc Hội đồng Lý luận Trung ương chọn Thái Bình làm điểm khảo sát, nghiên cứu phục vụ cho Tổng kết Cương lĩnh là một dịp tốt để Tỉnh tiếp tục nghiên cứu vận dụng lý luận và những kinh nghiệm thực tiễn vào công việc của địa phương một cách sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả hơn. Đồng chí hy

vọng kết quả nghiên cứu, khảo sát từ thực tế Thái Bình sẽ góp phần giúp Hội đồng Lý luận Trung ương hoàn thành tốt hơn trọng trách được giao.

Cũng trong đợt công tác, trước đó, Đoàn đã có cuộc khảo sát thực tế và làm việc với Đảng ủy xã Đông Phương, huyện Đông Hưng; Huyện ủy Hưng Hà nhằm tìm hiểu sâu một số vấn đề: Kinh nghiệm trong vận dụng các nghị quyết, chủ trương, chính sách của cấp trên ở địa phương; kinh nghiệm thực hiện dân chủ cơ sở, xây dựng nông thôn mới; kinh nghiệm chuyển đổi cơ cấu kinh tế, mô hình tăng trưởng; việc quản lý xã hội, xây dựng đời sống văn hóa, kế thừa, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; kinh nghiệm xây dựng Đảng, xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trong tình hình hiện nay ■

NGUYỄN TIẾN

